

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Ánh Hồng

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Trần Thị Ánh Hồng

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Ánh Hồng

Mã SV: 1012401284

Lớp : QT1401K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật tư Đức Quang

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản	3
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	7
1.2.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.2.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.	8
1.2.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán chi phí trong doanh nghiệp	19
1.2.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	33
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG.	38
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Vật tư Đức Quang.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Vật tư Đức Quang.....	38
2.1.2. Chức năng , nhiệm vụ	39
2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Vật tư Đức Quang.	39
2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....	39
2.2.2. Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận quản lý công ty.....	40
2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.....	42
2.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận. ...	42
2.3.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	43
2.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	44

2.4. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang	44
2.4.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.	44
2.4.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tại công ty.....	58
2.4.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.	80
CHƯƠNG III: BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG	88
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang	88
3.1.1. Ưu điểm.....	88
3.1.2. Hạn chế.....	89
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, cơ chế quản lý kinh tế của nước ta đã có những đổi mới sâu sắc và toàn diện, tạo ra những chuyển biến tích cực cho sự tăng trưởng của nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, điều đó càng chi phối mạnh mẽ hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp thương mại nói riêng. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước rất nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Vì vậy, để doanh nghiệp phát triển bền vững, có sức cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp rất chú trọng đến việc nâng cao doanh thu giảm thiểu chi phí mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, dịch vụ để thu được nhiều lợi nhuận nhất. Để đạt được lợi nhuận cao và an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, trong đó công tác hạch toán kế toán là công cụ quan trọng không thể thiếu nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo, tự chủ trong sản xuất kinh doanh làm cơ sở vạch ra chiến lược kinh doanh.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty TNHH Vật tư Đức Quang, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là một bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của công ty, nên đòi hỏi được hoàn thiện. Vì vậy, em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang”.

2. Mục đích nghiên cứu.

Nghiên cứu những nhận thức chung nhất về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh,

Nắm rõ về tình hình thực tế về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

Đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3. Phạm vi nghiên cứu.

Nghiên cứu và hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

4. Đối tượng nghiên cứu

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lý luận đến thực tiễn, lấy lý luận làm cơ sở lý thuyết, lấy thực tiễn để kiểm tra lý luận.

Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...

Phương pháp thống kê: dựa trên những số liệu đã được thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu. Từ đó, nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho công ty nói chung và cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

6. Kết cấu.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận còn bao gồm 3 phần:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

Chương III: Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

Được sự hướng dẫn, quan tâm, giúp đỡ tận tình của giảng viên-Ths. Trần Thị Thanh Thảo cùng sự hỗ trợ nhiệt tình của các chị phòng kế toán công ty TNHH Vật tư Đức Quang, đã tạo điều kiện cho em hoàn thành được khóa luận này. Tuy nhiên. Do thời gian có hạn, trình độ nghiệp vụ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự nhận xét và đóng góp ý kiến của các thầy cô cùng các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Doanh thu và thu nhập khác

➤ Khái niệm:

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

➤ Nội dung doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh thu thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

+ Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động. . .

- Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . . .

+ Cổ tức lợi nhuận được chia;

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

+ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư

vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; tỷ giá hối đoái; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn....

- Thu nhập khác: để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Thu nhập khác bao gồm:

+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

+ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

+ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;

+ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

+ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;

+ Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;

+ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);

+ Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

- Chiết khấu thương mại: phản ánh khoản chiết khấu mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

1.1.1.3. Chi phí

➤ Khái niệm

- Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

➤ Nội dung chi phí:

Chi phí trong doanh nghiệp bao gồm:

- Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thuế, phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

- Chi phí khác: là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (Nếu có)

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế.
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- + Các khoản chi phí khác.
- Chi phí thuế TNDN
- + Thuế TNDN là một loại thuế trực thu, thu dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

1.1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

➤ Khái niệm:

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm của doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong thời kỳ nhất định.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

$$\text{Kết quả KD} = \text{Kết quả hoạt động SXKD} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Cụ thể:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần từ bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần từ bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh phát triển bền vững và đạt hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần kiểm soát được doanh thu, chi phí để biết được mặt hàng nào kinh doanh đạt hiệu quả cao, và mặt nào còn hạn chế. Từ đó, doanh nghiệp có thể đưa ra những giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn. Bởi thế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò rất quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Đồng thời, nó còn có ý nghĩa với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đây chính là một trong những cơ sở giúp mỗi đối tượng đưa ra những đánh giá, quyết định đúng đắn cho mục đích của mình.

1.2.1.1. Đối với doanh nghiệp:

- Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước
- Thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

1.1.2.2. Đối với nhà nước

- Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước;

- Trên cơ sở các số liệu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo về điều kiện chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua

chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách Nhà nước mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

1.1.2.3. Đối với nhà đầu tư:

- Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

1.1.2.4. Đối với tổ chức trung gian tài chính.

- Các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định chi vay vốn đầu tư.

1.2.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.

1.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu.

- Phản ánh chính xác kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng để tránh bị chiếm dụng vốn.

- Phản ánh và giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ như: mức bán ra, doanh thu bán hàng....

- Phản ánh kịp thời đầy đủ, chi tiết sự biến động của hàng hóa ở tất cả các trạng thái: hàng đi đường, hàng trong kho, trong quầy... nhằm đảm bảo an toàn cho hàng hóa.

- Phản ánh, cung cấp số liệu, lập quyết toán đầy đủ, kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả tiêu thụ cũng như thực hiện nghĩa vụ với nhà nước...

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (mẫu số 01-GTKT3/001).

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, giấy báo có của ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán khác: phiếu xuất kho bán hàng, hóa đơn vận chuyển...

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 511 có 4 tài khoản cấp 2:
- TK 5111-Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112-Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118-Doanh thu khác
- Nguyên tắc hạch toán

Điều kiện ghi nhận doanh thu

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực khác có liên quan.

* Đối với doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

* Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Mặt khác, còn một số nguyên tắc chung về ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau:

- Doanh thu là giá không bao gồm thuế GTGT trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ
- Doanh thu là giá đã bao gồm cả thuế GTGT trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng đã bao gồm cả thuế nhập khẩu, thuế TTĐB.
- Doanh thu là số tiền hoa hồng được hưởng trong trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý.
- Doanh thu là giá trả tiền một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trong trường hợp bán hàng theo phương pháp trả chậm, trả góp.
- Doanh thu là tiền gia công nhận được không bao gồm trị giá vật tư, hàng hóa nhận về gia công nay trả lại.

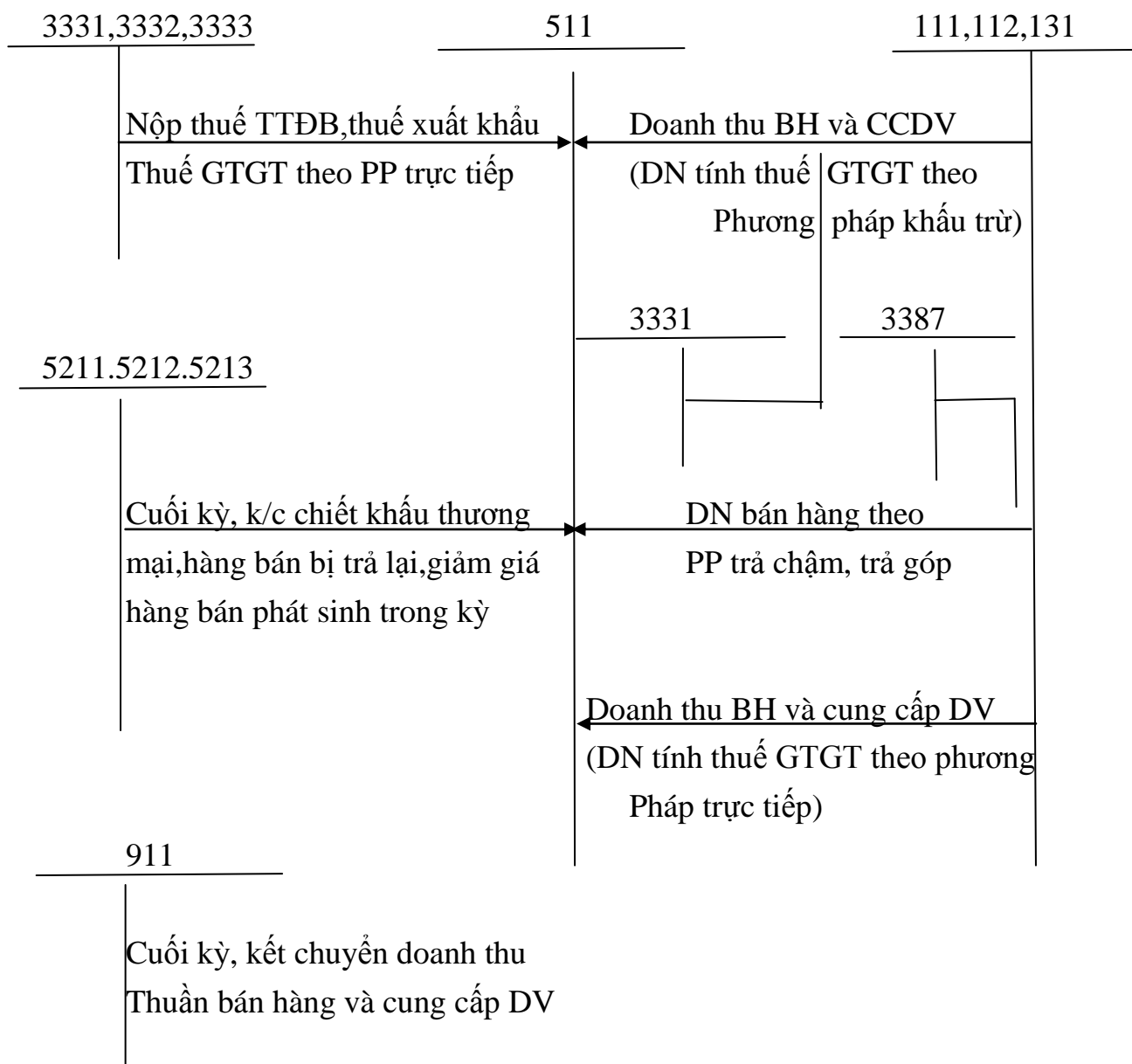
Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 511	Có
<p>Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;</p> <p>Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</p> <p>Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;</p> <p>Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;</p> <p>Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;</p> <p>Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".</p>		<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.1: sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

- Kế toán sử dụng TK 515-“ doanh thu hoạt động tài chính” để hạch toán

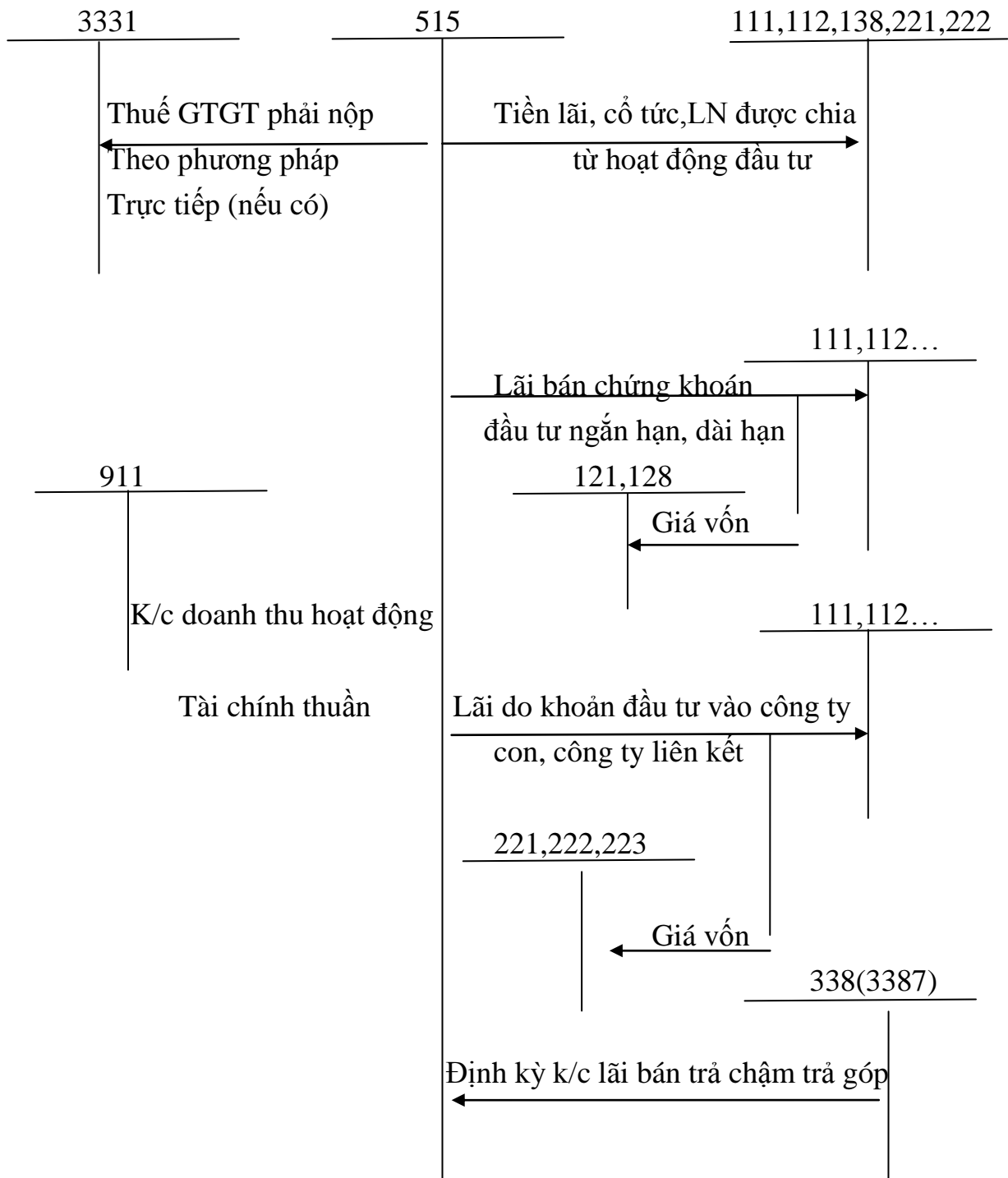
➤ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
<p>Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</p> <p>Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>		<p>Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;</p> <p>Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;</p> <p>Chiết khấu thanh toán được hưởng;</p> <p>Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;</p> <p>Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;</p> <p>Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;</p> <p>Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;</p> <p>Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.2: kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.2.3. Thu nhập khác

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
 - Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...

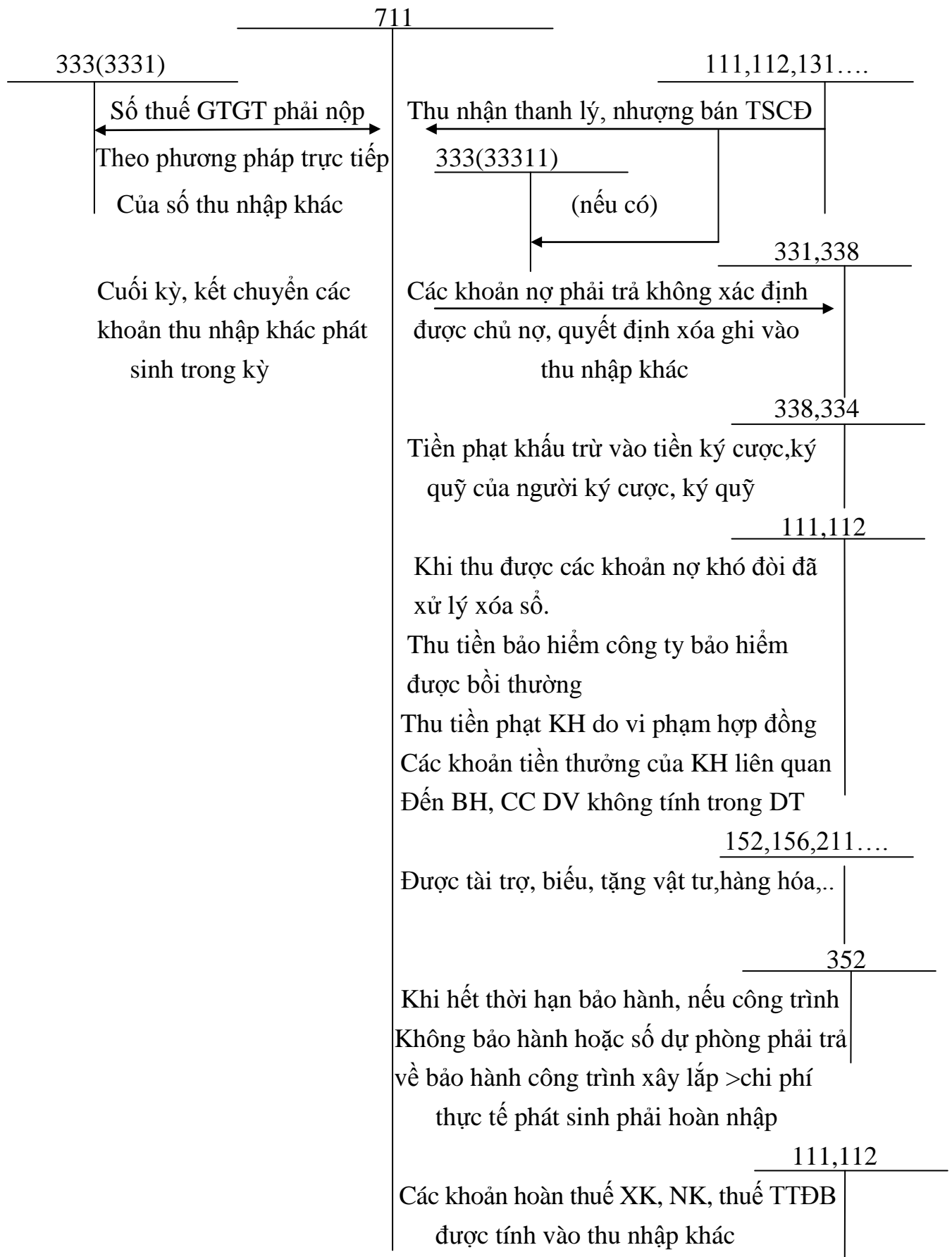
- Tài khoản sử dụng
 - Kế toán sử dụng TK 711-“thu nhập khác” để hạch toán
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
<p>Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</p>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.3: kế toán thu nhập khác.



1.2.2.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém chất lượng, sai quy cách...

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- Các khoản thuế: thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.

- Hợp đồng mua bán.

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản...

- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại,....

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521-“các khoản giảm trừ doanh thu” , trong đó:

- Tài khoản 5211 là tài khoản “chiết khấu thương mại”

➤ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 5211	Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 5211 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 5212 là tài khoản “hàng bán bị trả lại”

➤ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 5212	Có
Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 5212 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 5213 là tài khoản “ giảm giá hàng bán”

➤ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 5213	Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.	Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 5213 không có số dư cuối kỳ

- Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK3333)

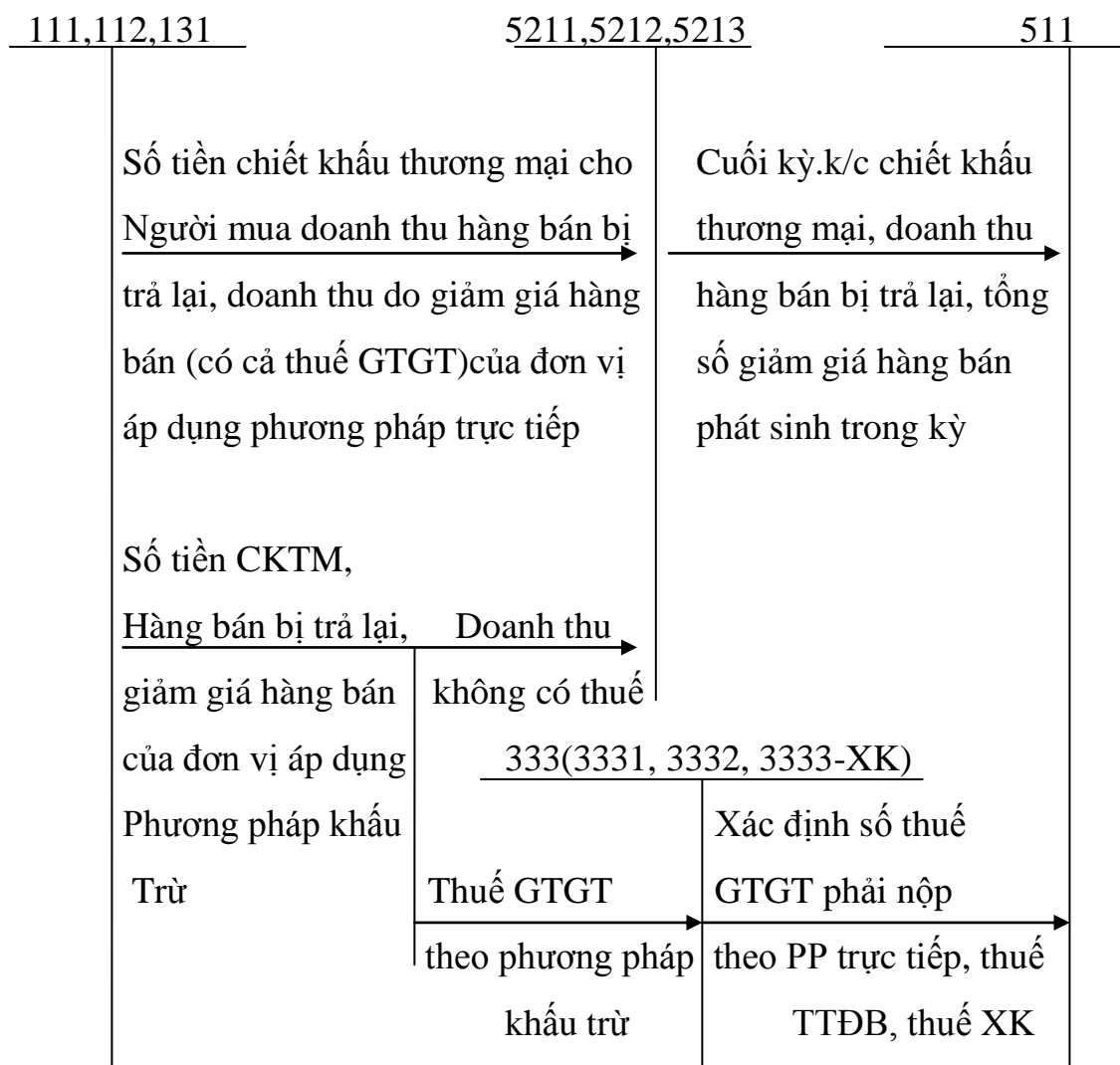
➤ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 3331,3332,3333

Nợ	TK 3331,3332,3333	Có
Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ; Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước; Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải	Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp; Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.	

nộp; Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có
Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.	Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước

Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.4: kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

➤ Nhiệm vụ kế toán giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán để phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của doanh nghiệp xây lắp... bán trong kỳ. Ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ.

- Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả.

- Do đó, việc xác định đúng giá vốn hàng bán là hết sức quan trọng giúp doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp thương mại thì giúp các nhà quản lý đánh giá được khâu mua hàng có đạt được hiệu quả hay không để từ đó đưa ra kế hoạch cụ thể nhằm tiết kiệm chi phí thu mua.

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632-“giá vốn hàng bán”

➤ Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

- Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

➤ Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- Do mỗi doanh nghiệp có đặc điểm riêng, yêu cầu trình độ quản lý, điều kiện trang thiết bị khác nhau mà sử dụng phương pháp xác định trị giá vốn thực tế xuất kho cho phù hợp. Theo chuẩn mực 02-hàng tồn kho ban hành và công bố

theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 việc tính giá thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền, gồm: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ, Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn)

+ Phương pháp nhập trước-xuất trước (FIFO)

+ Phương pháp nhập sau-xuất trước (LIFO)

+ Phương pháp tính theo giá đích danh

- Cụ thể:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất trong kỳ} = \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ thực hiện nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới công tác quyết toán nói chung.

+ Phương pháp bình quân liên hoàn

$$\text{Đơn giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp bình quân liên hoàn giúp giá vốn luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác mọi thời điểm. Nhưng nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

+ Phương pháp nhập trước-xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu

kỳ, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

+ Phương pháp nhập sau-xuất trước (LIFO)

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

+ Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp này áp dụng đối với doanh nghiệp có ít hàng hóa, mặt hàng ổn định và nhận diện được hoặc doanh nghiệp quản lý hàng hóa theo lô hàng nhập. Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Phương pháp này thường sử dụng với những loại hàng có giá trị cao, thường xuyên có cải tiến về mẫu mã và chất lượng.

➤ Kết cấu tài khoản

Có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ

- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nợ	TK 632	Có
-Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ; + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;		-Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải

<p>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</p> <p>+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <p>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:</p> <p>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</p> <p>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;</p> <p>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.</p>	<p>lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</p>
<p>Tổng số phát sinh nợ</p>	<p>Tổng số phát sinh có</p>

TK 632 không có số dư cuối kỳ

- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ
- + Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611-“Mua hàng”.

Nợ	TK 632	Có
<p>Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;</p> <p>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng</p>		<p>Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;</p> <p>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng</p>

phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

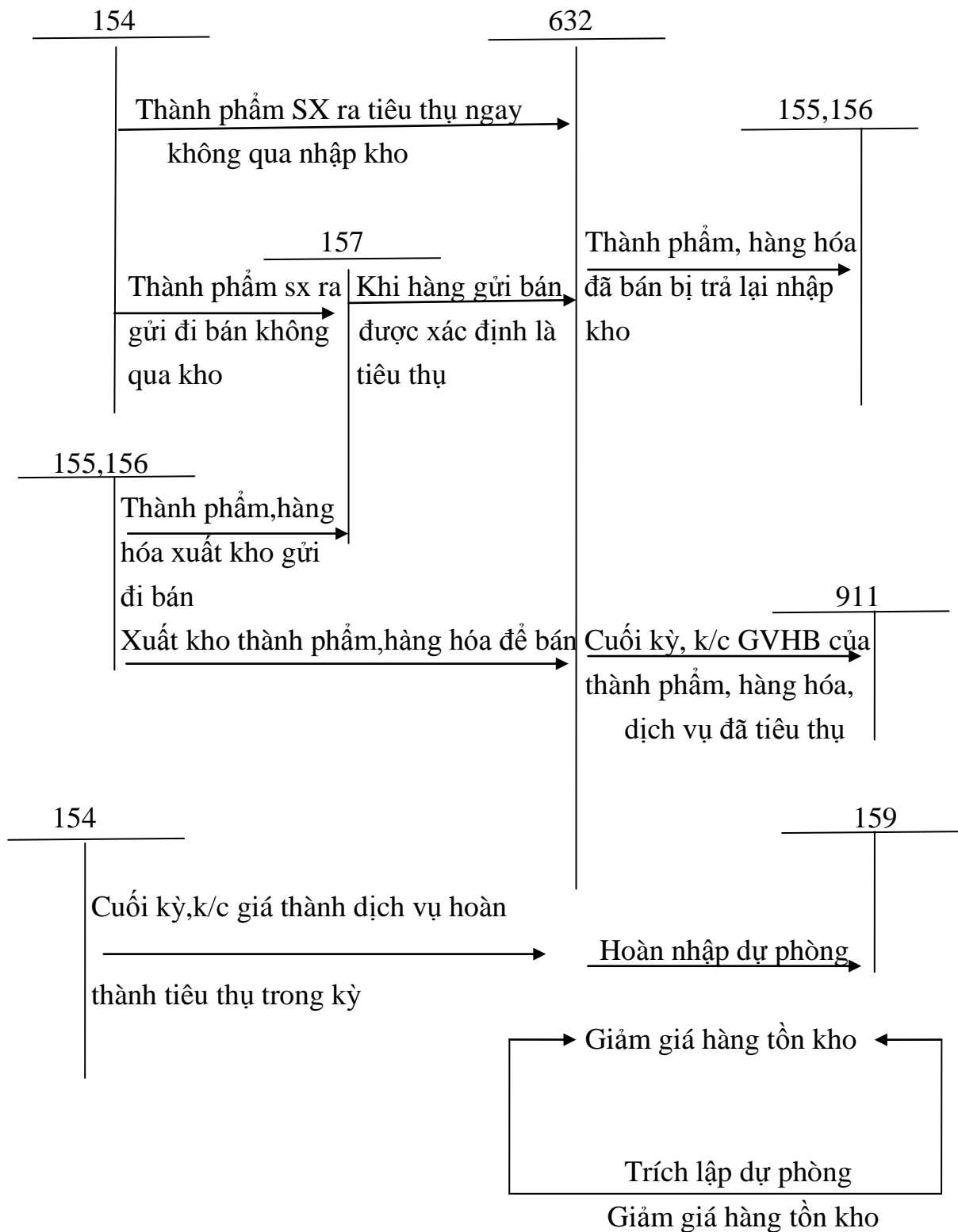
+ Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631-“giá thành sản xuất”.

Nợ	TK 632	Có
Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.		- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

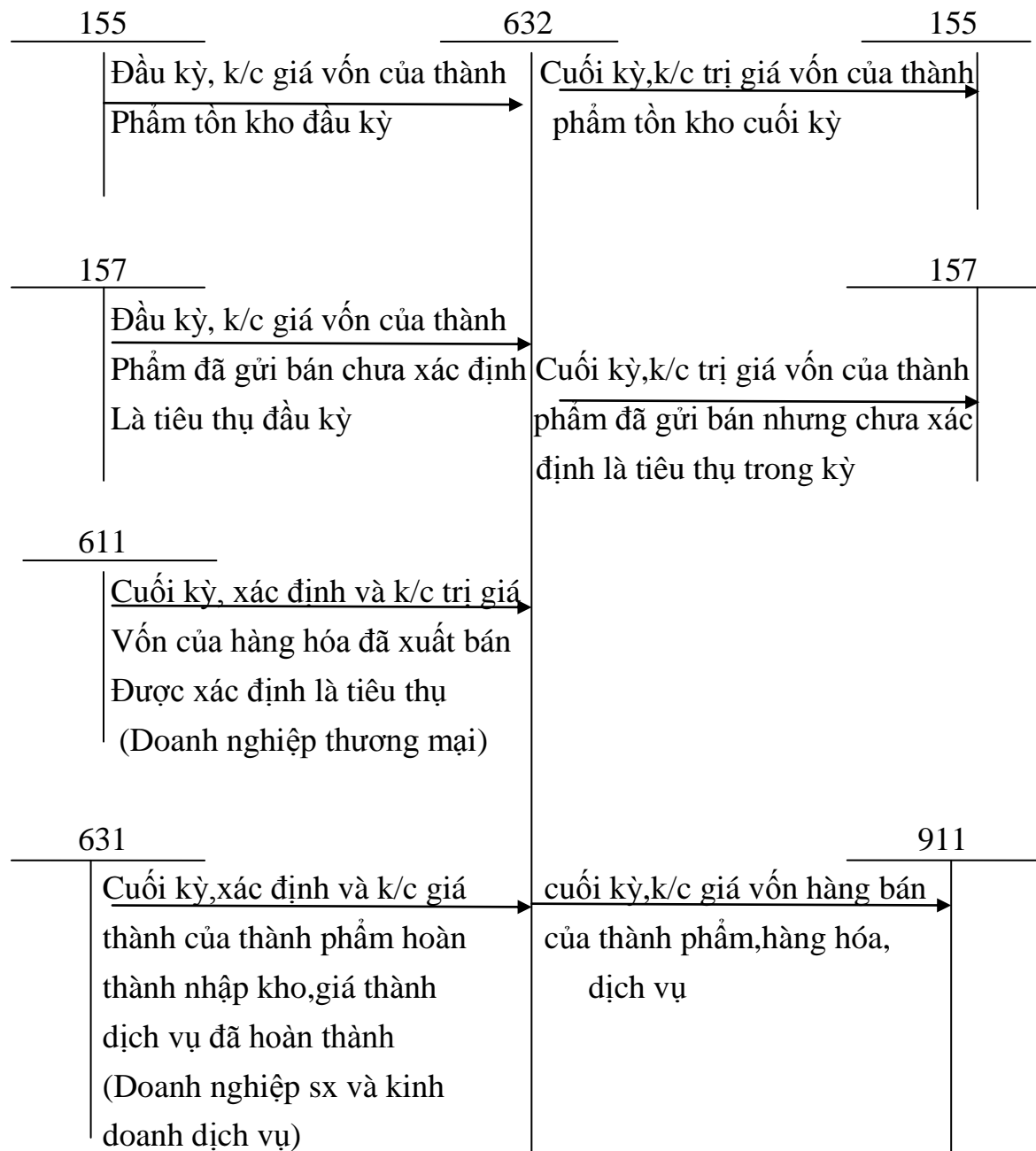
TK 632 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý doanh nghiệp

* Chi phí bán hàng

➤ Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT3/001)

- Phiếu chi (mẫu số 02-TT)
- Hóa đơn thông thường
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng...
- Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 6421-“chi phí bán hàng”
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 6421	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ	Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	

TK 6421 không có số dư cuối kỳ

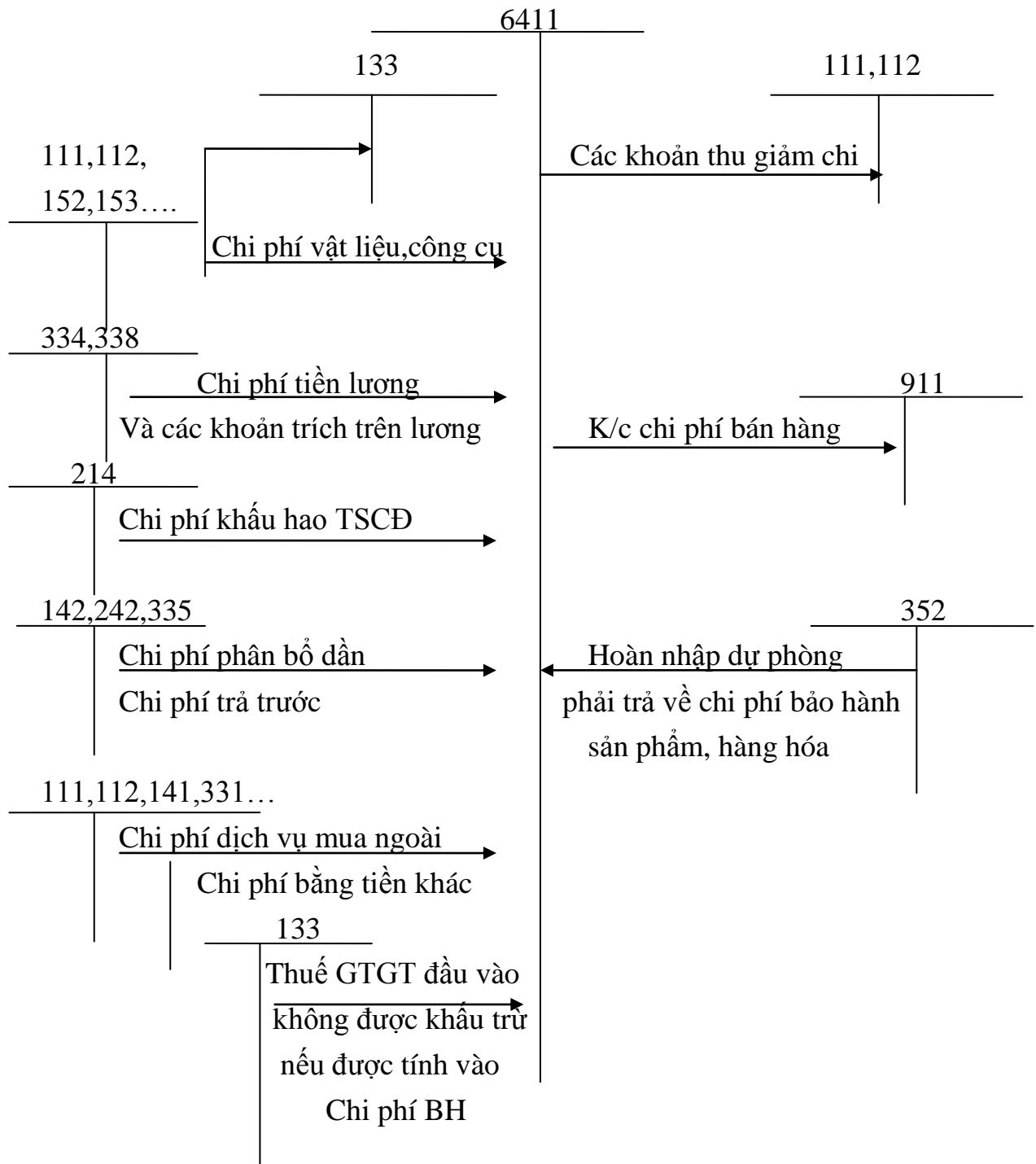
- * Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Chứng từ sử dụng
 - Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (mẫu số 11-LĐTL)
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ)
 - Hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT3/001),Phiếu chi (mẫu số 02-TT),Hóa đơn thông thường, Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng...
 - Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 6422-“chi phí quản lý doanh nghiệp”
 - Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 642	Có
Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.	Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	

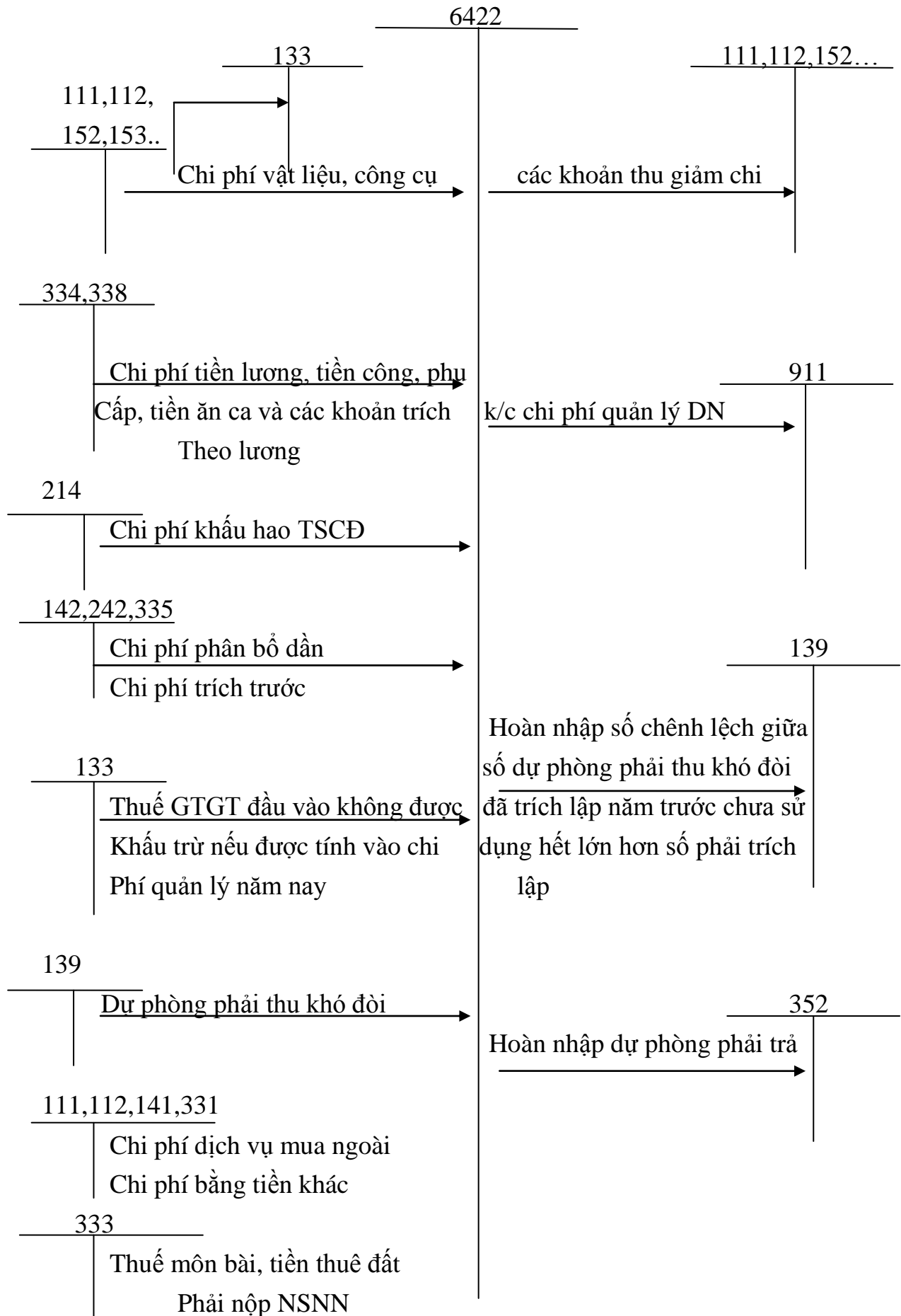
TK 642 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.7: kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



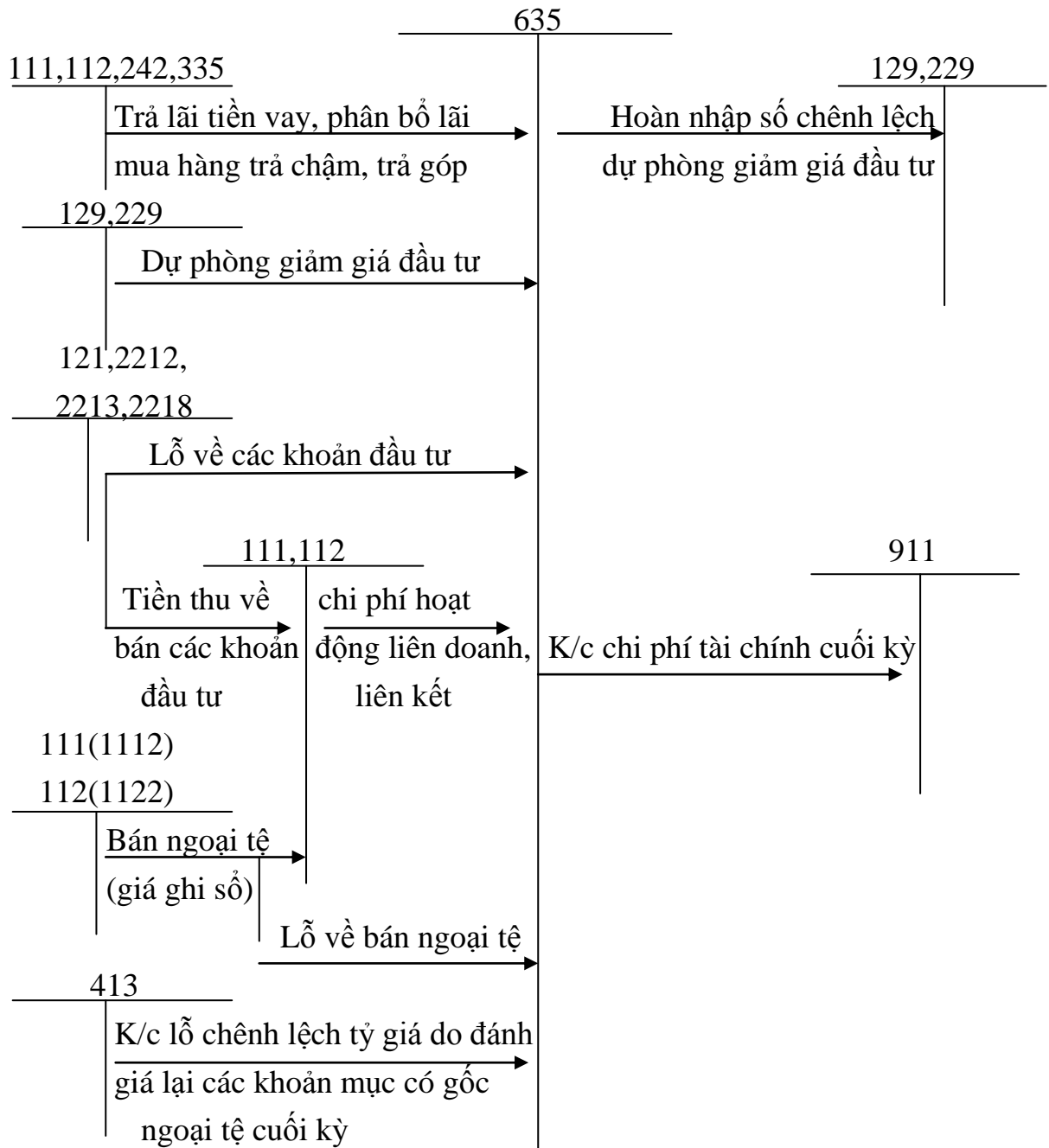
1.2.3.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - Kế toán sử dụng TK 635 – “ chi phí tài chính” để hạch toán.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 635

Nợ	TK 635	Có
Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; <ul style="list-style-type: none"> - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện); - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); <ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính



1.2.3.4. Kế toán chi phí khác

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng, phiếu kế toán, các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng
 - Kế toán sử dụng TK 811-“chi phí khác” để hạch toán

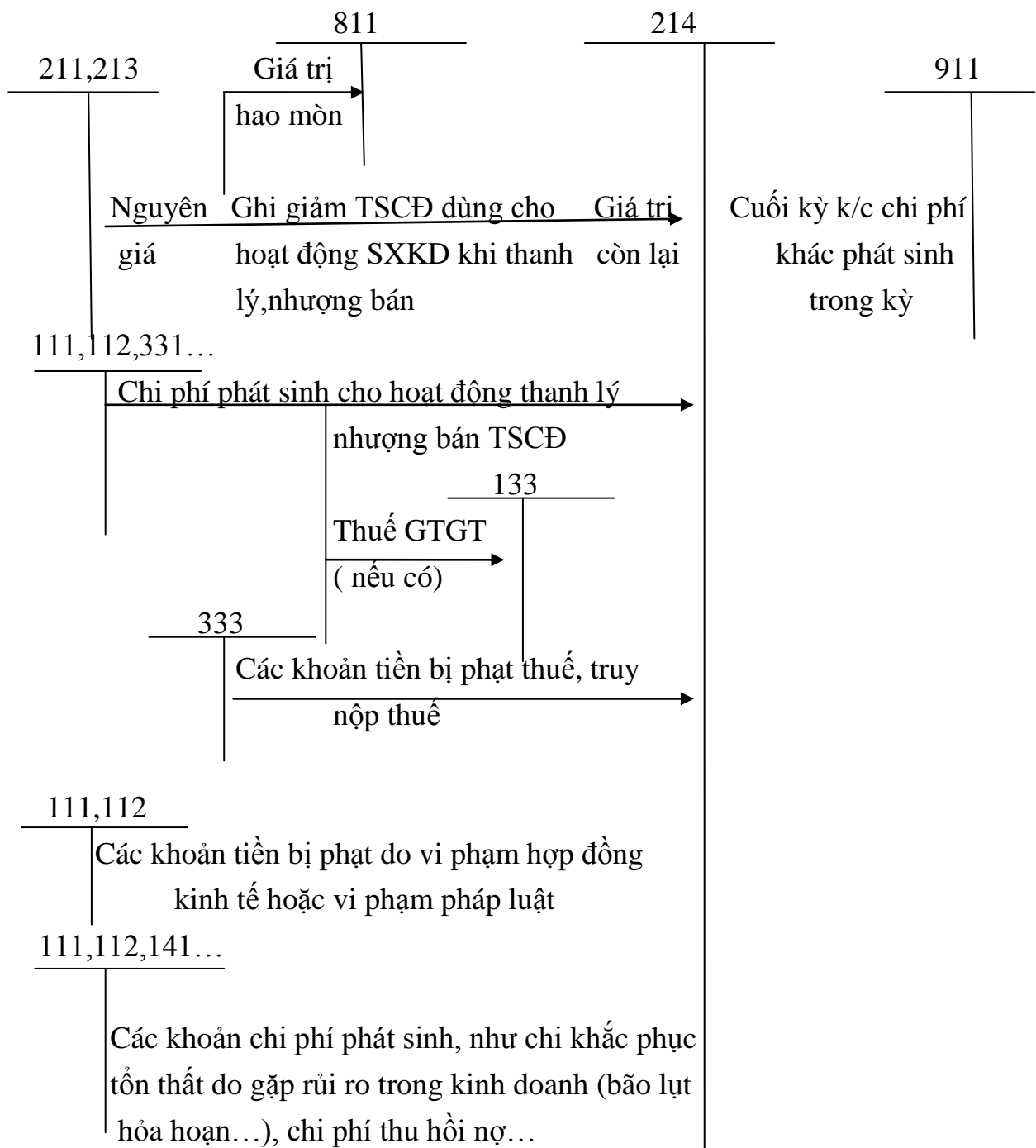
➤ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.10: kế toán chi phí khác



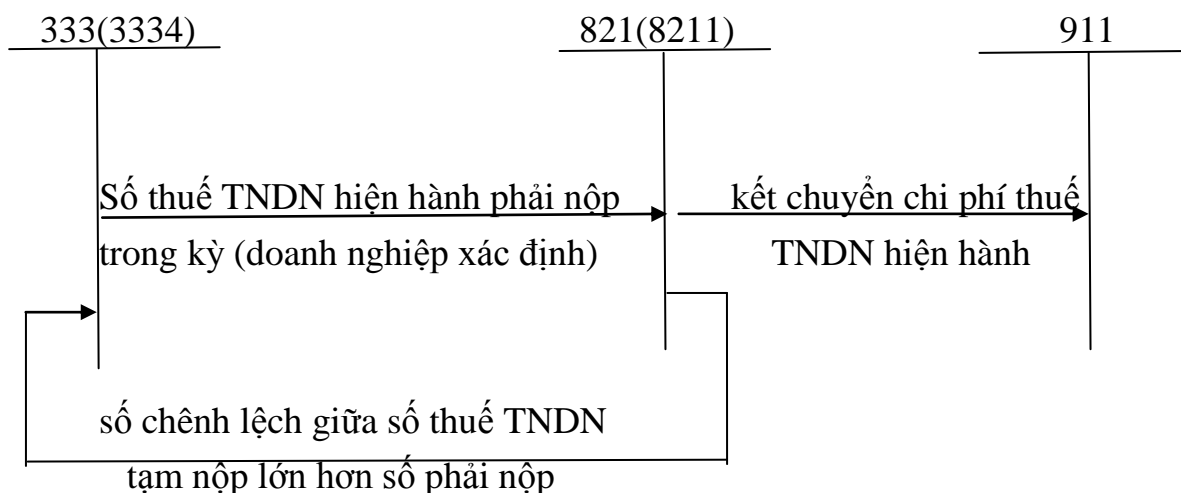
1.2.3.5. Kế toán chi phí thuế TNDN

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán, các chứng từ liên quan khác.
- Tài khoản sử dụng
 - Kế toán sử dụng TK 821-“chi phí thuế TNDN” để hạch toán
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 821

Nợ	TK 821	Có
<p>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<p>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí thuế thu nhập hiện hành



1.2.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

✓ **Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

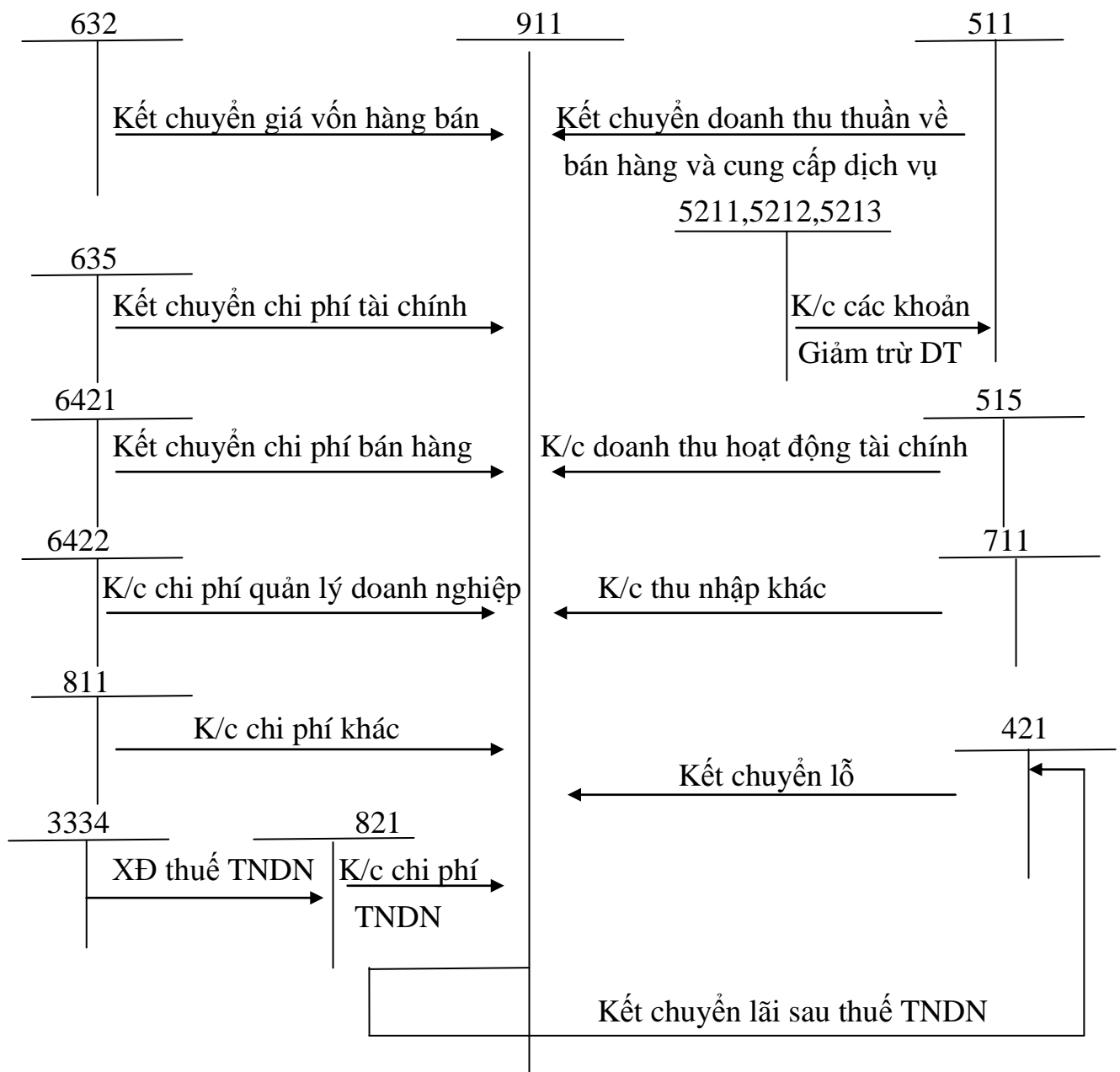
- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng
 - Kế toán sử dụng TK911-“xác định kết quả kinh doanh” để hạch toán
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911

Nợ	TK 911	Có
Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.12: kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.2.5. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, các doanh nghiệp có thể sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung
- + Hình thức kế toán Nhật ký –Sổ Cái
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- + Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính

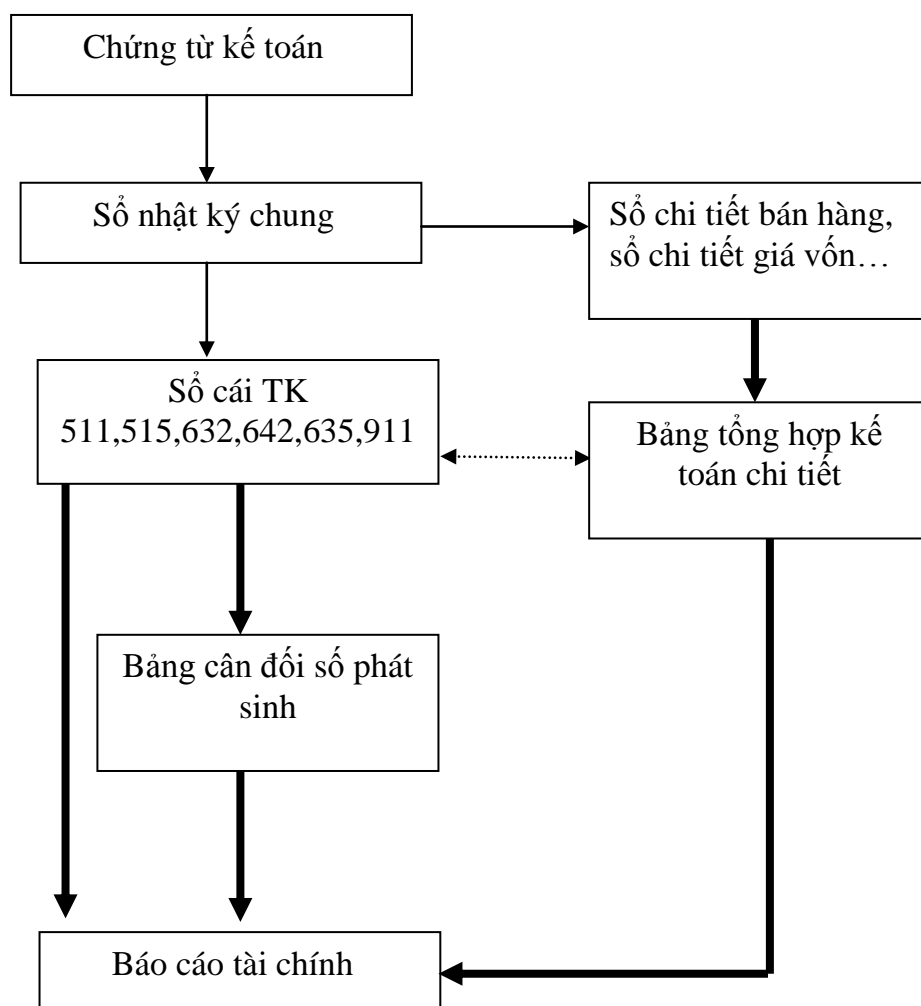
➤ Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung nghiệp vụ kinh tế. Sau đó, lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các loại sổ của hình thức Nhật ký chung:

- + Nhật ký chung
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.13: Trình tự sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ —————→
- Quan sát đối chiếu, kiểm tra ←-----→

➤ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế
- + Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

➤ Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

- Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- sổ cái : các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký-sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức nhật ký - sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký – sổ cái
- + Các sổ , thẻ kế toán chi tiết

➤ Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

- Đặc trưng của hình thức Nhật ký-chứng từ

+ Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

- + Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.
- Hình thức nhật ký- chứng từ gồm các sổ kế toán sau:
 - + Nhật ký chứng từ
 - + Bảng kê
 - + Sổ cái
 - + Sổ, thẻ kế toán chi tiết
 - Hình thức kế toán trên máy vi tính
- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính :
 - + Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán tuy không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải đảm bảo in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.
 - Hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng tại đơn vị phải đảm bảo các yêu cầu sau:
 - + Có đủ các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết cần thiết để đáp ứng yêu cầu kế toán theo quy định. Các sổ kế toán tổng hợp phải đầy đủ các yếu tố theo quy định của chế độ sổ kế toán.
 - + Thực hiện đúng các yêu cầu về mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và sửa chữa sổ kế toán theo quy định của Luật kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành luật kế toán và các thông tư.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Vật tư Đức Quang

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Vật tư Đức Quang*

2.1.1.1. *Tên, quy mô và địa chỉ công ty*

- Tên công ty: Công ty TNHH Vật tư Đức Quang
- Địa chỉ: Số 140 Đường Lê Thánh Tông - phường Máy Chai - quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: +84-031-3758488
- Fax: :+84-031-3758488
- Giám đốc: Nguyễn Thị Hải
- Vốn điều lệ: 900.000.000 VND
- Giấy phép thành lập: Công ty được thành lập theo quyết định ngày 8 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 15 tháng 7 năm 2010 là một công ty độc lập về kinh tế.

2.1.1.2. *Quá trình hình thành và phát triển*

- Công ty TNHH Vật tư Đức Quang là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, được thành lập từ tháng 7/ 2010.
- Từ ngày đầu thành lập (ngày 15 tháng 07 năm 2010) đến ngày 18 tháng 05 năm 2012, công ty được thành lập và tiến hành hoạt động kinh doanh tại địa điểm số 29/52 đường Nguyễn Công Trứ - Phường Hàng Kênh - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng.
- Song từ ngày 25 tháng 05 năm 2012 đến nay, với nhu cầu mở rộng thị trường kinh doanh cũng như có điều kiện thuận lợi hơn để cung ứng hàng hóa cho các công ty, cảng biển lớn tại Hải Phòng, công ty đã chuyển địa điểm kinh doanh tới số 140 đường Lê Thánh Tông- Phường Máy Chai- Quận Ngô Quyền- Thành Phố Hải Phòng. Đây là vị trí có điều kiện giao thông thuận lợi, gần cảng Hải Phòng- một trong những cảng lớn tại Hải Phòng và có nhiều các doanh nghiệp vận tải, xây dựng.

2.1.2. Chức năng , nhiệm vụ

2.1.2.1. Chức năng

- Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động kinh doanh thương mại theo chức năng, nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng sau:

+ Kinh doanh, cung ứng một số loại vật tư cần thiết cho các phương tiện như: ô tô, tàu biển... cho các công ty vận tải, các đại lý, cửa hàng bán buôn, bán lẻ ... trên địa bàn Hải Phòng. Cụ thể như:

+ Bán buôn, bán lẻ các loại: Lọc, gạt mưa, bóng đèn, dầu nhớt... dùng cho ô tô, máy công trình, tàu thủy...

+ Bán buôn máy móc thiết bị phụ tùng máy văn phòng.

+ Bán buôn phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác....

2.1.2.2. Nhiệm vụ chính

- Nhiệm vụ kinh doanh của Công ty là bán các mặt hàng đúng lĩnh vực kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và theo nhu cầu thị trường trên thế giới.

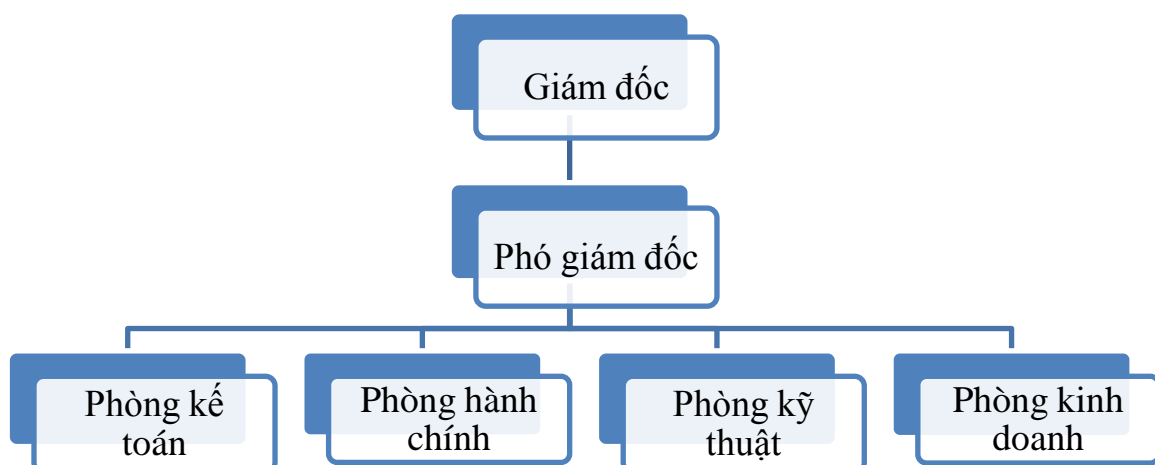
- Công ty phải đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm nguồn vốn, có tích lũy để tái tạo mở rộng kinh doanh, đảm bảo việc làm và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Công ty cũng như các doanh nghiệp khác khi tham gia vào sản xuất kinh doanh đều phải tuân thủ các quy định hiện hành của luật pháp và các chính sách xã hội của nhà nước.

2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

- Hiện nay, mô hình cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Vật tư Đức Quang được thể hiện bằng sơ đồ sau:



2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận quản lý công ty

➤ Ban giám đốc .

- Nhiệm vụ:

- + Xác định hướng phát triển và đường lối kinh doanh của công ty
- + Tổ chức điều hành các hoạt động kinh doanh, nghiên cứu phát triển...
- + Mở rộng đối tác, phát triển khách hàng và quyết định đầu tư.

- Giám đốc : Nguyễn Thị Hải.

+ Là người đứng đầu công ty, người đại diện cho công ty trước cơ quan pháp luật. đưa ra các phán quyết và giám sát chung trong mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước công ty về kết quả hoạt động kinh doanh và chấp hành pháp luật hiện hành.

- Phó giám đốc: Tạ Quốc Tĩnh

+ Là người trực tiếp phụ trách, giám sát việc tổ chức, quản lý và hoạt động của các phòng ban trong công ty: phòng kinh doanh, phòng kỹ thuật, phòng kế toán và phòng hành chính

➤ Phòng kinh doanh (3 người)

- **Nhiệm vụ:**

- + Thực hiện công việc kinh doanh theo đường lối của ban giám đốc.
- + Nghiên cứu theo dõi diễn biến của thị trường, báo cáo ban giám đốc để kịp thời có phương hướng thích hợp.
- + Khai thác các nguồn hàng mới.
- + Tìm kiếm và phát triển thị trường.
- + Phòng kinh doanh: Tham mưu tổng hợp và thực hiện việc xây dựng cơ chế, chính sách, chế độ bán hàng và các chính sách hậu mãi, các chương trình khuyến mại, các thông tin của khách hàng, các địa chỉ khách hàng đặc biệt cần chăm sóc. Định hướng cho các sản phẩm mới và thị trường mới tới Ban Giám đốc công ty.

+ Bán hàng, và tư vấn cho khách về các phụ tùng ô tô ...

- Người phụ trách phòng kinh doanh là trưởng phòng kinh doanh: Ông Trần Văn Duy. Là người chịu trách nhiệm chính trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai các kế hoạch kinh doanh của công ty.

- Bên cạnh đó, có 2 nhân viên kinh doanh là : ông Lưu Hoàng Giang, bà Mai Thị Đào, là những người trực tiếp nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh cũng như bán hàng của công ty

➤ Phòng kỹ thuật (02 người)

- **Nhiệm vụ:**

- + Nghiên cứu các công nghệ mới, các công nghệ chuyên dụng.
- + Tích hợp hệ thống, thiết kế các giải pháp
- + Đào tạo kỹ thuật cho đội ngũ nhân viên bán hàng của công ty cũng như hướng dẫn và tư vấn kỹ thuật cho khách hàng.

+ Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị - Bảo hành.

- Người phụ trách phòng kỹ thuật là trưởng phòng kỹ thuật: Ông Nguyễn Quốc Toàn. Là người chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát, kiểm tra chất lượng thông số kỹ thuật của các sản phẩm được nhập về công ty.

- Ngoài ra, còn có ông Vũ Việt Hưng- nhân viên kỹ thuật, là người trực tiếp hướng dẫn cách sử dụng sản phẩm và bảo hành cho khách hàng.

➤ Phòng hành chính (2 người).

- **Nhiệm vụ:**

- + Lập sổ sách quản lý nhân sự, các hoạt động về quản lý.
- + Quản trị hành chính.

- Người phụ trách phòng kỹ thuật là trưởng phòng hành chính : Bà Trần Hoàng Lan, là người chịu trách nhiệm chính về quản lý nhân sự và tổ chức sự kiện của công ty.

- Thêm vào đó, có bà Trịnh Thị Hằng là nhân viên phòng hành chính, phụ tá cho trưởng phòng hành chính, xử lý sổ sách, văn thư của công ty.

➤ Phòng kế toán (3 người)

- Phòng kế toán: Có chức năng quản lý tài sản, hàng hoá, cung cấp và phân tích tình hình tài chính, báo cáo cho giám đốc giúp cho việc chỉ đạo các hoạt động kinh doanh.

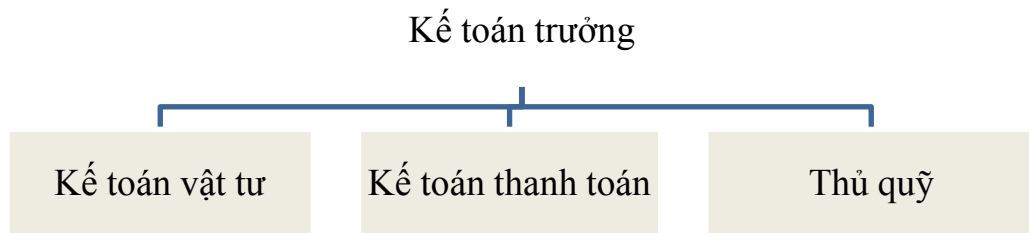
- Người phụ trách phòng kỹ thuật là kế toán trưởng: Bà Tô Thị Thanh Huyền, là người chịu trách nhiệm chính của phòng kế toán. Đồng thời, kiêm kế toán tổng hợp sổ sách, kiểm tra đánh giá công tác của các kế toán viên.

- Bên cạnh đó, có 2 kế toán viên: bà Trần Thị Nga, Bà Lê Hoài Thương và 1 thủ quỹ Phạm Quỳnh Như là những người trực tiếp thực hiện ghi chép sổ sách các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và báo cáo lên kế toán trưởng.

2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang

2.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



- Tổ chức bộ máy kế toán Công Ty theo hình thức tập trung, mỗi người trong phòng kế toán được phân công phụ trách một công việc nhất định do vậy công tác kế toán tại Công Ty là tương đối hoàn chỉnh hoạt động không bị chồng chéo lên nhau. Phòng kế toán của công ty có 4 người trong đó có 1 kế toán trưởng, 2 kế toán viên và 1 thủ quỹ

- Chức năng: Giúp giám đốc chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán trong công ty theo chế độ chính sách của nhà nước về quản lý tài chính.

- Nhiệm vụ:

+Thực hiện ghi chép phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản có liên quan.

+Lập báo cáo, cung cấp số liệu, tài liệu của công ty theo yêu cầu của giám đốc công ty và của cơ quan quản lý nhà nước.

+Lập kế hoạch, kế toán tài chính, tham mưu cho giám đốc về các quyết định trong việc quản lý tài chính và hàng hoá tại công ty.

- *Kế toán trưởng*: Chịu trách nhiệm trước giám đốc và các cơ quan pháp luật về toàn bộ công việc hạch toán kế toán của mình tại Công Ty. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức phân công kiểm tra các công việc của nhân viên kế toán.

- *Đồng thời, kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp là người*: tập hợp toàn bộ các chi phí chung của Công ty và các hoạt động dịch vụ khác của Công ty. Giữ Sổ Cái tổng hợp cho tất cả các phần hành và ghi sổ cái tổng hợp của công ty.

- *Kế toán thanh toán*: Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán phát sinh, tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương, tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- *Kế toán vật tư*: Cập nhật chi tiết lượng hàng hoá, dụng cụ xuất ra cho các phòng và lượng hàng hoá mua vào của Công ty. Dựa vào các chứng từ xuất nhập

vật tư cuối tháng tính ra số tiền phát sinh và lập báo cáo.

- *Thu quỹ*: Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hằng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời.

2.3.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán

- Bộ máy kế toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng kế toán kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán công ty áp dụng chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán công ty áp dụng từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 30/12 năm đó.

- Đơn vị tiền tệ mà công ty sử dụng trong ghi chép, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung, với các biểu mẫu đơn giản được thực hiện trên máy vi tính với các thao tác hạch toán trên bảng tính Excel và Word.

2.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

➤ Hệ thống chứng từ

- Hiện nay công ty áp dụng hệ thống chứng từ kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Hệ thống chứng từ kế toán của công ty bao gồm các mẫu bắt buộc và mẫu hướng dẫn bao gồm:

- Hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản kiểm kê TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

➤ Hệ thống tài khoản.

- Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

➤ Hệ thống sổ kế toán:

- Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự nhất định. Hiện nay, doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”, hình thức này bao gồm các sổ kế toán như sau:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái
- + Các sổ kế toán chi tiết

➤ Hệ thống báo cáo

- Công ty đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ –BTC năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN)
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DNN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)
- + Nơi nộp báo cáo: Chi cục thuế Quận Ngô Quyền

2.4. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang

2.4.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

2.4.1.1. Phương thức bán hàng và thanh toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

➤ Phương thức bán hàng

- Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hóa bao gồm cả bán buôn, bán lẻ.
 - + Bán buôn: Hàng hóa được bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo hợp đồng.
 - + Bán lẻ: Là hình thức bán hàng với số lượng nhỏ. Hình thức bán lẻ mà công ty áp dụng là hình thức bán lẻ trực tiếp.

➤ Phương thức thanh toán:

- + Các phương thức thanh toán tiền áp dụng tại công ty là:
 - + Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên, hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

+ Thanh toán chậm: Phương pháp này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

+ Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi người bán thực hiện giao hàng xong, người mua ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Hình thức này bao gồm thanh toán bằng séc, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

2.4.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng

Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng, ủy nhiệm thu, Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết bán hàng, Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng, Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511..., Các sổ sách liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng

- Để phản ánh doanh thu bán hàng một cách chi tiết và cụ thể . công ty đã sử dụng :TK 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ Quy trình kế toán

- Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán viết phiếu xuất kho, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó, kế toán viết hóa đơn bán hàng (HĐ GTGT) được lập thành 3 liên:

+ Liên 1 (Màu tím): Liên gốc lưu tại quyển hóa đơn.

+ Liên 2 (Màu đỏ): Giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.

+ Liên 3 (Màu xanh): Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

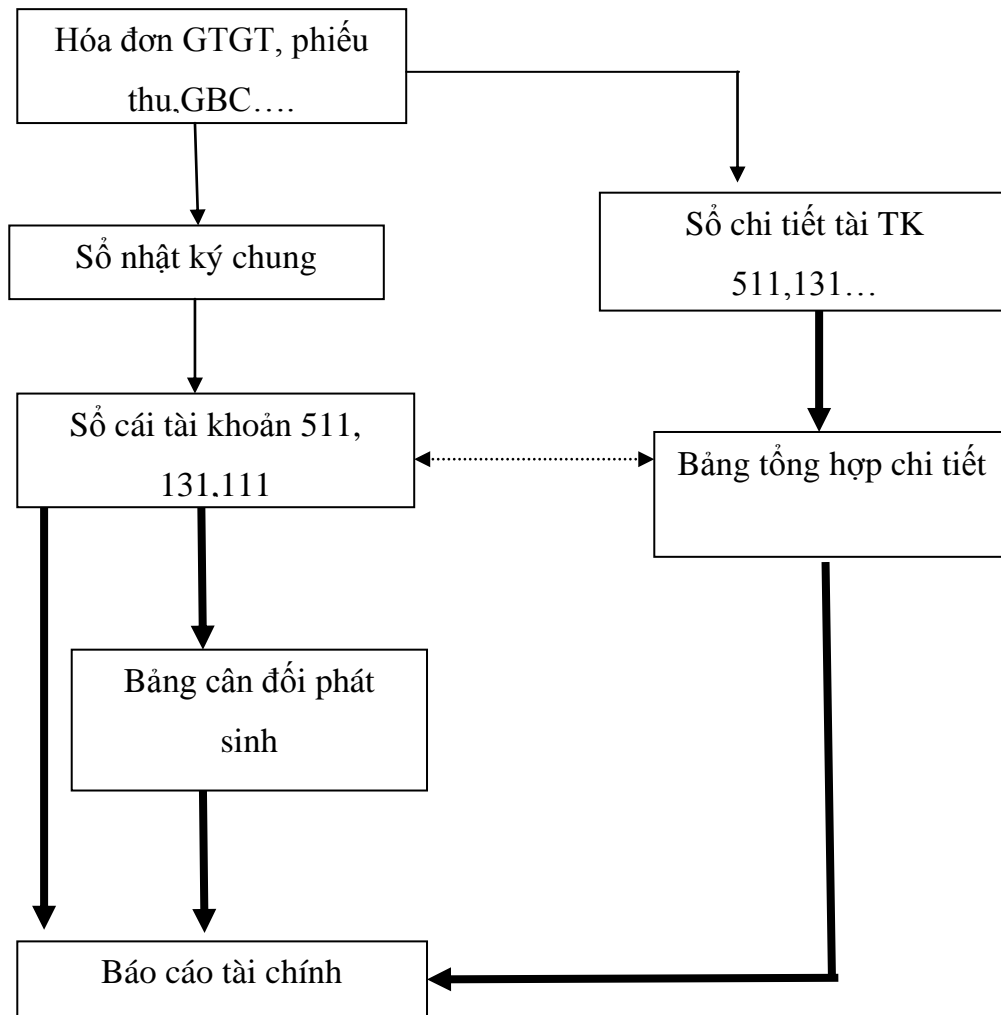
- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511. Đồng thời, với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào sổ chi tiết bán hàng.

- Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết TK 511 làm căn cứ lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511. Cùng với đó, tại thời điểm cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng

số liệu trên sổ cái TK 511 lập bảng Cân đối phát sinh.

- Sau đó, kế toán căn cứ vào bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết tài khoản để lập báo cáo tài chính

Sơ đồ 2.1: quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ →

Ví dụ: ngày 05/05/2012, công ty đã xuất bán cho công ty TNHH Vật tư Trường Thành 10 cái lọc P550463, giá bán 500.000 đ/ cái, 10 đôi gạt mưa với giá bán 200.000 đ/đôi (thuế VAT 10%). Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Các chứng từ để hạch toán

Mẫu số : 01GTKT3-3LL

Ký hiệu: AA/11P

Số 0000208

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Lưu nội bộ

Ngày 05 tháng 05 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Vật tư Đức Quang

Địa chỉ: Số 140 Lê Thánh Tông - P.Máy Chai - Q.Ngô Quyền - TP.Hải Phòng

MST: 0201093910

Điện thoại:031.3758488

Số tài khoản:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Vật tư Trường Thành

Địa chỉ: Số 23 Lý Tự Trọng – P.Minh Khai – Q.Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

MST: 0201245761

Hình thức thanh toán:.....TMSố tài khoản:.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Lọc P550463	Cái	10	500.000	5.000.000
2	Gạt mưa	Đôi	10	200.000	2.000.000
Cộng tiền hàng					7.000.000
Tiền thuế GTGT (10%)					700.000
Tổng cộng tiền thanh toán					7.700.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền- Hải Phòng.
MST:0201093910

Mẫu số 02/TT
QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006

PHIẾU THU**Số:PT 01**

Ngày 05 tháng 05 năm 2012

Họ và tên người nộp tiền : Công ty TNHH Vật tư Trường Thành
Địa chỉ :Số 23 Lý Tự Trọng-Minh Khai-Hồng Bàng-HP
Lý do nộp :Thu tiền khách hàng
Số tiền : 7.700.000 đồng
Bằng chữ : Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn .
Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn trích dẫn: số liệu phòng kế toán công ty TNHH Vật tư Đức Quang

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 03a – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 5 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
5/5/2012	HĐ 0000207	4/5/2012	Công ty Nhiên Hằng chưa thanh toán		1	131	3.025.000	
			Doanh thu bán lọc P552100		2	511		2.750.000
			Thuế GTGT đầu ra		3	3331		275.000
5/5/2012	HĐ 0000208	5/5/2012	Công ty Trường Thành đã trả bằng tiền mặt		4	1111	7.700.000	
			Doanh thu bán lọc P550463,gạt mưa		5	511		7.000.000
			Thuế GTGT đầu ra			3331		700.000
6/5/2012	HĐ 000209	6/5/2012	Công ty Huy Hoàng đã trả bằng tiền mặt		6	1111	4.400.000	
			Doanh thu bán bóng đèn		7			4.000.000
			Thuế GTGT đầu ra					400.000
...
9/5/2012	HĐ 0000212	8/5/2012	Công ty cảng Đoạn Xá đã trả bằng CK		12	1121	23.650.000	
			Doanh thu bán dầu nhớt		13	511		21.500.000
			Thuế GTGT đầu ra			3331		2.150.000
...
15/5/2012	HĐ 0000220	15/5/2012	Công ty Đức Vinh đã trả bằng tiền mặt		25	1111	3.300.000	
			Doanh thu bán lọc R003/4		26	511		3.000.000
			Thuế GTGT đầu ra		27	3331		300.000
...
			Cộng số phát sinh				328.432.000	328.432.000

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 03a – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu TK: 511

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
5/5/2012	HĐ 0000207	4/5/2012	Doanh thu bán lọc PP552100 cho công ty Nhiên Hằng			131		2.750.000
5/5/2012	HĐ 0000208	5/5/2012	Doanh thu bán P550463,gạt mưa cho công ty Trường Thành			1111		7.000.000
6/5/2012	HĐ 0000209	6/5/2012	Doanh thu bán bóng đèn cho công ty Huy Hoàng			1111		4.000.000
...
9/5/2012	HĐ 000212	8/5/2012	Doanh thu bán dầu nhớt cho Công ty Cảng Đoạn Xá			1121		21.500.000
...
15/5/2012	HĐ 000220	15/5/2012	Doanh thu bán lọc R003/4 cho công ty Đức Vinh			1111		3.000.000
...
31/5/2012	PKT 40	31/5/2012	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			911	176.000.000	
...
			Cộng số phát sinh				652.552.000	652.552.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S35 – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK 511

Tên hàng hóa: Lọc P550463

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
....
5/5/2012	HĐ 0000208	5/5/2012	Bán cho công ty Trường Thành	1111	10	500.000	5.000.000
12/5/2012	HĐ 0000216	12/5/2012	Bán cho công ty Nhiên Hằng	1111	5	510.000	2.550.000
...
17/5/2012	HĐ 0000222	17/5/2012	Bán cho công ty ô tô Chiến Thắng	1111	3	510.000	1.530.000
...
20/5/2012	HĐ 0000225	20/5/2012	Bán cho công ty Hồng Tiến	1111	5	510.000	2.550.000
...
22/5/2012	HĐ 0000228	22/5/2012	Bán cho công ty Sao Á	1111	9	500.000	4.500.000
...
23/5/2012	HĐ 0000230	23/5/2012	Bán cho công ty Cảng Hải Phòng	1121	25	490.000	12.250.000
....
			Cộng tháng 05/2012				50.800.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S35 – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK 511

Tên hàng hóa: Lọc P552100

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
....
5/5/2012	HĐ 0000207	4/5/2012	Bán cho công ty Nhiên Hằng	131	5	550.000	2.750.000
16/5/2012	HĐ 0000221	16/5/2012	Bán cho công ty Huy Hoàng	1111	9	550.000	4.950.000
...
18/5/2012	HĐ 0000223	18/5/2012	Bán cho công ty Ngân Thắng	1111	2	550.000	1.100.000
...
25/5/2012	HĐ 0000233	25/5/2012	Bán cho công ty vận tải Cường Giang	131	15	540.000	8.100.000
....
27/5/2012	HĐ 0000236	27/5/2012	Bán cho công ty Châu Giang	1111	5	550.000	2.750.000
29/5/2012	HĐ 0000240	29/5/2012	Bán cho công ty Đức Vinh	1121	12	540.000	6.480.000
			Cộng tháng 05/2012				39.180.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S35 – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Tháng 5/2012

STT	Số hiệu TK chi tiết	Tên thành phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	511-PP550463	Lọc PP550463	50.800.000	50.800.000	
2	511-PP552100	Lọc PP 552100	39.180.000	39.180.000	
3	511-R003/4	Lọc R003/4	15.000.000	15.000.000	
4	511-GATMUA	Gạt mưa	8.000.000	8.000.000	
...
	Cộng tháng 5/2012		176.000.000	176.000.000	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.4.1.3. kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH Vật tư Đức Quang chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Chứng từ ,sổ sách và tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu...
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty.
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Sổ sách sử dụng

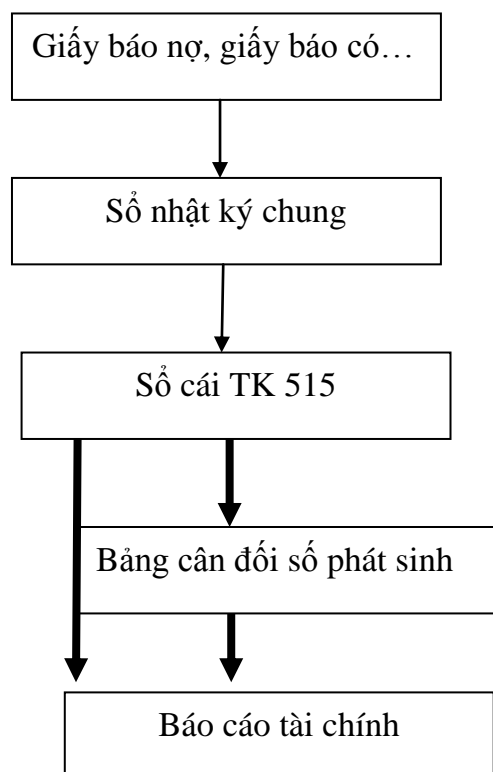
- Sổ nhật ký chung,Sổ chi tiết TK 515,Các sổ sách liên quan khác

➤ TK sử dụng

- TK 515-Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 111,112-Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng,Các tài khoản khác có liên quan

➤ Quy trình kế toán

Sơ đồ.2.2: quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ →

Ví dụ

Ngày 30/05, Ngân hàng Đầu tư và phát triển trả lãi tiền gửi số tiền tháng 5 là : 78.277.

Căn cứ vào giấy báo Có và các chứng từ có liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK 1121:78.277

Có TK 515: 78.277

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, từ sổ Nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 515. Cuối kỳ, từ sổ cái của các Tk liên quan, kế toán lập Bảng cân đối phát sinh. Sau đó, từ bảng cân đối lập báo cáo tài chính.

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BIDV

Mã GDV: HOA
Mã KH:45098
Số GD: 142

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 30/05/2012

Kính gửi: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 02010001492536

Số tiền bằng số: 78.277

Số tiền bằng chữ: {+}Bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng chẵn

Nội dung: ## LÃI NHẬP GỐC ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 03a – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
30/5	GBC 142	30/5	Thu tiền lãi tháng 5/2012 của ngân hàng BIDV			1121	78.277	
						515		78.277
...
31/12	PKT 90	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911			515	939.330	
						911		939.330
			Cộng số phát sinh				84.382.385.607	84.382.385.607

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 03b – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu TK: 515

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
...
30/5	GBC 142	30/5	Thu tiền lãi tháng 5/2012 từ ngân hàng BIDV			1121		78.277
...
31/12	PKT 90	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911			911	939.330	
			Cộng số phát sinh				939.330	939.330

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.4.1.4.kế toán thu nhập khác

Trong tháng 5/2012, công ty TNHH Vật tư Đức Quang không phát sinh các khoản thu nhập khác

2.4.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tại công ty**2.4.2.1.Kế toán giá vốn hàng bán**

➤ Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

- Doanh nghiệp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

➤ Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Các sổ sách có liên quan khác

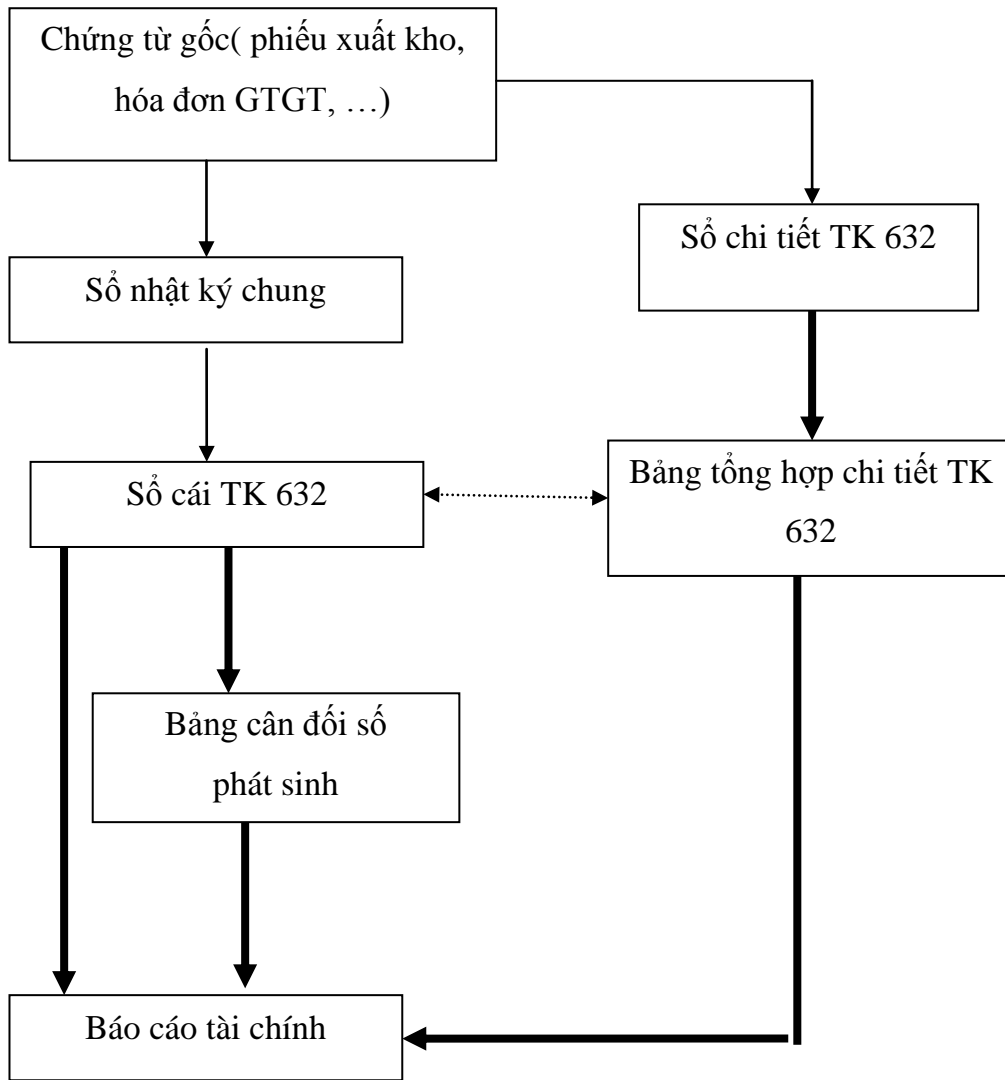
➤ TK sử dụng

- Để phản ánh giá vốn hàng bán một cách cụ thể, công ty đã sử dụng TK 632-giá vốn hàng bán

➤ Quy trình kế toán

- Tại công ty, khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán lập phiếu xuất kho, trên phiếu chỉ ghi số lượng hàng xuất kho không ghi trị giá vốn. Đến cuối tháng, kế toán mới tính trị giá hàng tồn kho, kế toán lập phiếu kế toán để ghi nhận giá vốn hàng bán. Từ các chứng từ có liên quan, kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung, tiến hành vào sổ cái và các sổ có liên quan.

Sơ đồ 2.3: quy trình kế toán giá vốn hàng bán



Ghi chú

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Ví dụ:

Theo phiếu xuất kho số 140, ngày 05/05/2012, xuất kho 10 lọc P550463 bán cho công ty Trường Thành, với giá bán 500.000đ(chưa bao gồm thuế VAT 10%), khách hàng đã trả bằng tiền mặt.

Theo phiếu xuất kho số 139, ngày 04/05/2012, xuất kho 05 lọc P552100 bán cho công ty Nhiên Hằng, với giá bán 550.000đ(chưa bao gồm thuế VAT 10%) , khách hàng chưa thanh toán.

Xác định giá vốn

Với lọc P550463:

Tồn ngày 01/05/2012: số lượng: 60 cái

Trị giá hàng tồn kho:21.000.000

Trong tháng 05/2012 nhập: số lượng:80 cái

Trị giá hàng nhập kho: 28.400.000

Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế thành phẩm tồn kho đầu kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ}}$	+	$\frac{\text{Trị giá thực tế thành phẩm nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ}}$
	=	$\frac{21.000.000}{60}$	+	$\frac{28.400.000}{80}$
	=	352.857(đ/cái)		

Ngày 05/05/2012, xuất bán 10 cái lọc P550463 cho công ty Trường Thành

Suy ra: trị giá xuất kho cuối tháng 5(ngày 31/05/2012)

Trị giá thành phẩm thực tế xuất kho	=	Số lượng thực tế xuất kho	x	Đơn giá bình quân xuất kho
	=	10	x	352.857
	=	3.528.570		

Với lọc P552100

Tồn ngày 01/05/2012: số lượng : 42 cái

Trị giá hàng tồn kho :16.380.000

Trong tháng 05/2012 nhập: số lượng: 35 cái

Trị giá hàng tồn kho: 13.675.000

Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ	=	Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ
		Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ
	=	16.380.000	+	13.675.000
		42	+	35
	=	390.325đ/ cái		

Ngày 04/05/2012, xuất bán 05 cái lọc P552100 cho công ty Nhiên Hằng

Suy ra: trị giá xuất kho cuối tháng 5 (ngày 31/05/2012)

Trị giá thành phẩm thực tế xuất kho	=	Số lượng thực tế xuất kho	x	Đơn giá bình quân xuất kho
	=	05	x	390.325
	=	1.951.625đ/cái		

Mẫu số 02-VT

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG (Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ –
Số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-HP BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài
Chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 05 năm 2012

Số 139

Họ và tên người nhận hàng: Công ty TNHH Nhiên Hằng
Địa chỉ: số 37-Bến Bính-Minh Khai-Hồng Bàng-Hải Phòng
Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty Nhiên Hằng
Xuất tại kho: Vật tư Địa điểm: kho hàng hóa

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Lọc P550463	P552100	cái	05	05		
	Cộng			05	05		

Ngày 04 tháng 05 năm 2012

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký,họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký , họ tên) (Ký,họ tên)

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG

Số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-HP

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ –BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 05 năm 2012

Số 140

Họ và tên người nhận hàng: Công ty TNHH Vật Tư Trường Thành

Địa chỉ: số 23-Lý Tự Trọng -Minh Khai-Hồng Bàng-Hải Phòng

Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty Trường Thành

Xuất tại kho: Vật tư

Địa điểm: kho hàng hóa

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Lọc P550463	P550463	cái	10	10		
	Cộng			10	10		

Ngày 05 tháng 05 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG**Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền-HP****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 05 năm 2012****Số : 30**

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán lọc P552100 cho công ty Nhiên Hằng (P XK 139)	632	156	1.951.625
2	Giá vốn hàng bán lọc P552100 cho công ty Trường Thành (P XK 140)	632	156	3.528.570
3	Giá vốn hàng bán bóng đèn cho công ty Huy Hoàng (P XK 142)	632	156	2.500.000
...
10	Giá vốn hàng bán dầu nhớt cho công ty Cảng Đoạn Xá (P XK 151)	632	156	18.100.000
...
20	Giá vốn hàng bán lọc R003/4 cho công ty (P XK 157)	632	156	2.100.000
...
40	Cộng tháng 05/2012		135.150.000	135.150.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 03a – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 5 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
5/5/2012	HĐ 0000207	4/5/2012	Công ty Nhiên Hằng chưa thanh toán			131	3.025.000	
			Doanh thu bán lọc P552100			511		2.750.000
			Thuế GTGT đầu ra			3331		275.000
5/5/2012	HĐ 0000208	5/5/2012	Công ty Trường Thành đã trả bằng tiền mặt			1111	7.700.000	
			Doanh thu bán lọc P550463,gạt mưa			511		7.000.000
			Thuế GTGT đầu ra			3331		700.000
....
31/5/2012	PKT 30	31/5/2012	Giá vốn hàng bán tháng 5/2012			632	135.150.000	
						156		135.150.000
...
31/5/2012	PKT 40	31/5/2012	Kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911			911	135.150.000	
						632		135.150.000
			Cộng số phát sinh				652.552.000	652.552.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S35- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**TK 632-P550463****Tên hàng hóa: Lọc P550463****Tháng 5 năm 2012**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
....
31/5/2012	PXK 140	5/5/2012	Bán cho công ty Trường Thành	1111	10	352.857	3.528.570
31/5/2012	PXK 145	12/5/2012	Bán cho công ty Nhiên Hằng	1111	5	352.857	1.764.285
...
31/5/2012	PXK 149	17/5/2012	Bán cho công ty ô tô Chiến Thắng	1111	3	352.857	1.058.571
...
31/5/2012	PXK 152	20/5/2012	Bán cho công ty Hồng Tiến	1111	5	352.857	1.764.285
...
31/5/2012	PXK 155	22/5/2012	Bán cho công ty Sao Á	1111	9	352.857	3.175.713
...
31/5/2012	PXK 160	23/5/2012	Bán cho công ty Cảng Hải Phòng	1121	25	352.857	8.821.425
....
			Cộng tháng 05/2012				42.342.840

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG**Số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng****BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO MẶT HÀNG**Tên hàng hóa: **lọc**Tháng **05** năm **2012**

STT	Số hiệu TK	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	632-P550463	Lọc P550463	42.342.840	42.342.840	
2	632-P552100	Lọc P552100	27.322.750	27.322.750	
3	632-R003/4	Lọc R003/4	10.500.000	10.500.000	
...
		Cộng tháng 5/2012	90.165.590	90.165.590	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán****Tháng 05 năm 2012**

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
...
PKT 30	31/5	Giá vốn bán lọc P550463			156	42.242.840	
PKT 30	31/5	Giá vốn bán lọc P552100			156	27.322.750	
...
PKT 30	31/5	Giá vốn bán lọc R003/4			156	10.500.000	
...
PKT 40	31/5	Kết chuyển GVHB tháng 05/2012			911		135.150.000
		Cộng số phát sinh				135.150.000	135.150.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.4.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng thông thường, Bảng phân bổ tiền lương, BHXH, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, Giấy báo nợ ngân hàng, Các chứng từ khác có liên quan

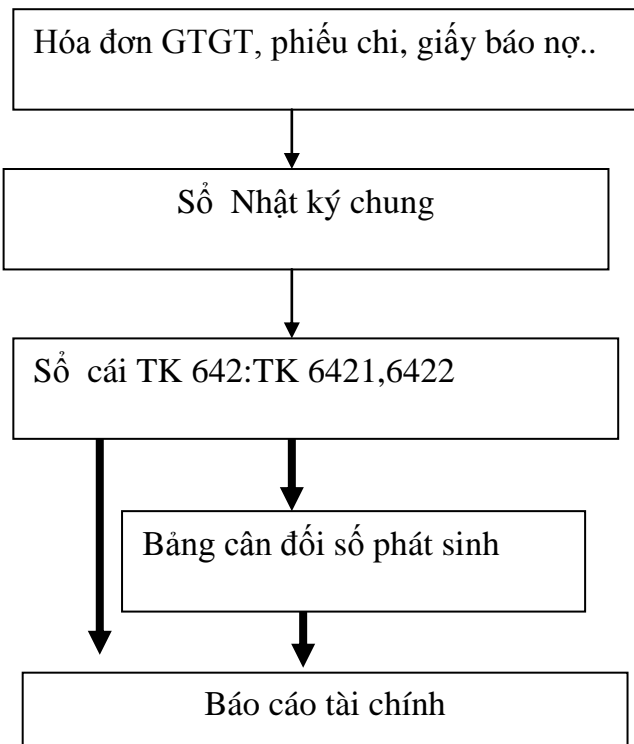
➤ Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 6421, 6422, Các sổ sách có liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 642-Chi phí quản lý kinh doanh.
- Bao gồm 2 tài khoản cấp 2:
 - + 6421-Chi phí Bán hàng
 - + 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Các tài khoản có liên quan :TK 111, 112, 131, ...

➤ Quy trình kế toán



Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, ghi định kỳ →

Ví dụ: Ngày 8/5/2012, phiếu chi số 154, thanh toán tiền cước vận chuyển hàng cho khách hàng là công ty cảng Đoạn xá, với số tiền là 550.000đ, đã trả bằng tiền mặt

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6421: 500.000

Nợ TK 1331: 50.000

Có TK 111: 550.000

Các chứng từ, sổ sách liên quan

Mẫu số : 01GTKT3-3LL

BT/2012B

Số 0087667

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 08 tháng 05 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần giao nhận vận tải quốc tế Hải Khánh

Địa chỉ: Số 3 Lê Thánh Tông - P.Máy Chai - Q.Ngô Quyền - TP.Hải Phòng

MST: 0200414061

Điện thoại: 031.3686052

Số tài khoản:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Vật tư Đức Quang

Địa chỉ: : Số 140 Lê Thánh Tông - P.Máy Chai - Q.Ngô Quyền - TP.Hải Phòng

MST: 0201093910

Hình thức thanh toán:.....TMSố tài khoản:.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Phí vận chuyển dầu nhớt	thùng	10	50.000	500.000
Cộng tiền hàng					500.000
Tiền thuế GTGT (10%)					50.000
Tổng cộng tiền thanh toán					550.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền- Hải Phòng.
MST:0201093910

Mẫu số 02/TT
QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006

PHIẾU CHI**Số:PC154**

Ngày 06 tháng 05 năm 2012

Họ và tên người nhận tiền : Phạm Văn Hiệp**Địa chỉ** : Công ty cổ phần giao nhận vận tải quốc tế Hải Khánh**Lý do nộp** : Thanh toán cước vận chuyển hàng**Số tiền** : 550.000 đồng**Bằng chữ** : Năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn .**Kèm theo** : 01 chứng từ gốc**Hải Phòng, ngày 08 tháng 05 năm 2012**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Ngày 30/5/2012, thanh toán tiền điện thoại và internet, với số tiền là 413.732đ cho Viễn Thông Hải Phòng, đã trả bằng tiền mặt

Kế toán định khoản:**Nợ TK 6422: 376.120****Nợ TK 1331:37.612****Có TK 1111: 413.732**

Mẫu số : 01GTKT2/001

Ký hiệu: AA/12P

Số 03256

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 30 tháng 05 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Viễn Thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri phương - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng- TP.Hải Phòng

MST: 0200287977

Điện thoại

Số tài khoản:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Vật tư Đức Quang

Địa chỉ: : Số 140 Lê Thánh Tông - P.Máy Chai - Q.Ngô Quyền - TP.Hải Phòng

MST: 0201093910

Hình thức thanh toán:... TMSố tài khoản:.....

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Cước dịch vụ viễn thông kỳ tháng 5/2012				376.120
Cộng tiền hàng					376.120
Tiền thuế GTGT (10%)					37.612
Tổng cộng tiền thanh toán					413.732
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.</i>					

Ngày 30 tháng 5 năm 2012

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền- Hải Phòng.
MST:0201093910

Mẫu số 02/TT
QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006

PHIẾU CHI**Số:PC187**

Ngày 30 tháng 05 năm 2012

Họ và tên người nhận tiền : Viễn thông Hải Phòng**Địa chỉ** : số 5 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-Hải Phòng**Lý do nộp** : Thanh toán cước dịch vụ viễn thông**Số tiền** : 413.732đồng**Bằng chữ** : Bốn trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi hai nghìn
đồng chẵn .**Kèm theo** : 01 chứng từ gốc**Hải Phòng, ngày 08 tháng 05 năm 2012**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang

Mẫu số 03a – DNN

Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Tháng 5 năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
9/5/2012	HĐ 0000212	8/5/2012	Công ty cảng Đoạn Xá đã trả bằng chuyển khoản			1121	23.650.000	
			Doanh thu bán dầu nhớt			511		21.500.000
			Thuế GTGT đầu ra			3331		2.150.000
9/5/2012	PC154	8/5/2012	Cước phí vận chuyển dầu nhớt cho			6421	500.000	
						1331	50.000	
						1111		550.000
...
30/5/2012	PC187	30/5/2012	Cước dịch vụ viễn thông			6422	376.120	
						1331	37.612	
						1111		413.732
...
31/5/2012	PKT 40	31/5/2012	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			911	20.876.120	
						642		20.876.120

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI****Tài khoản: 642-chi phí quản lý kinh doanh****Tháng 05 năm 2012**

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
...
PC 154	8/5/2012	Thanh toán cước phí vận chuyển cho công ty Hải Khánh			1111	500.000	
...
PC 187	30/5/2012	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông cho Viễn thông Hải Phòng			1111	376.120	
PKT 40	31/5/2012	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang TK 911			911		20.876.120
		Cộng số phát sinh tháng 5/2012				20.876.120	20.876.120

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

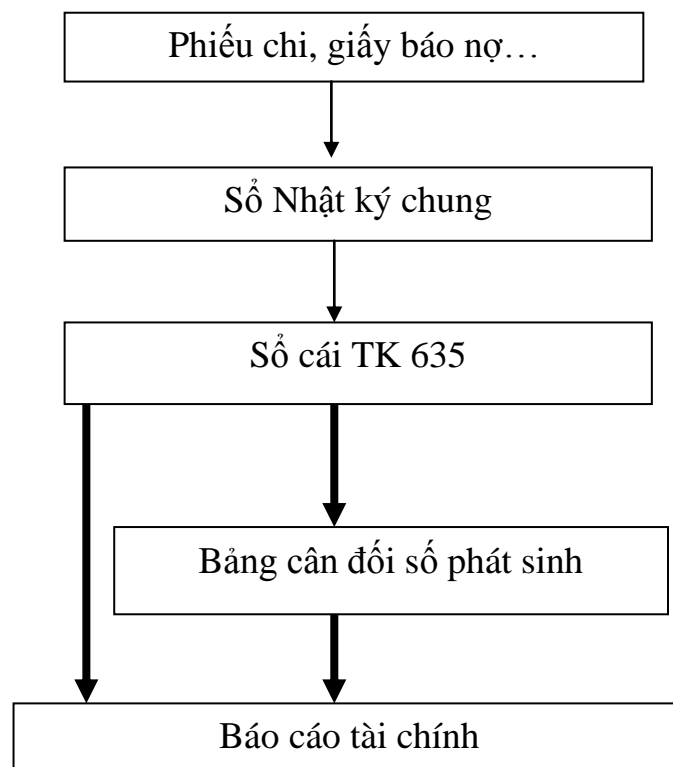
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.4.2.3 Kế toán chi phí tài chính

Tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang, không phát sinh nhiều hoạt động tài chính, chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay ngân hàng.

Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo nợ ngân hàng
 - Sổ phụ ngân hàng, phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK635
 - Các sổ sách có liên quan khác
- Tài khoản sử dụng
 - TK 635-Chi phí tài chính
 - Các TK có liên quan :TK 111,112...
- Quy trình kế toán
 - Hàng ngày căn cứ vào chứng từ như giấy báo nợ của ngân hàng, phiếu chi, phiếu kế toán ..., kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào sổ liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 635
 - Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính



Ví dụ: Ngày 29/5/2012, nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) về tiền lãi phải trả là:6.710.417

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 6.610.417

Có TK 1121:6.610.417

Các chứng từ, sổ sách liên quan

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BIDV

Mã GDV: HOA

Mã KH:45098

Số GD: 131

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 29/05/2012

Kính gửi: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 02010001492536

Số tiền bằng số: 6.610.417

Số tiền bằng chữ: {+} Sáu triệu sáu trăm mười nghìn bốn trăm mười bảy nghìn đồng chẵn

Nội dung: ## TRẢ LÃI VAY NGÂN HÀNG##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 03a – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 5 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
23/5/2012	HĐ 0000230	23/5/2012	Công ty Cảng Hải Phòng đã thanh toán bằng CK			1121	13.475.000	
			Doanh thu bán lọc P550463			511		12.250.000
			Thuế GTGT đầu ra			3331		1.225.000
...
29/5/2012	GBN 131	29/5/2012	Trả lãi cho ngân hàng BIDV			635	6.610.417	
						1121		6.610.417
...
31/5/2012	PKT 40	31/5/2012	Kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911			911	6.610.417	
						635		6.610.417
...
			Cộng số phát sinh tháng 5/2012				652.552.000	652.552.000

Ngày 31 tháng 05 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang

Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN

Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI****Tài khoản: 635-chi phí hoạt động tài chính****Tháng 05 năm 2012**

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
...
GBN131	29/5/2012	Trả lãi vay ngân hàng BIDV			1121	6.610.417	
...
PKT 40	31/5/2012	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911			911		6.610.417
		Cộng số phát sinh tháng 5/2012				6.610.417	6.610.417

Ngày 31 tháng 05 năm 2012**Người ghi sổ**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.4.2.4 Kế toán chi phí khác

Trong tháng 5/2012, công ty TNHH Vật tư Đức Quang không phát sinh các khoản chi phí khác.

2.4.3. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.**2.4.3.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

- Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến hiệu quả và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Đối với công ty TNHH Vật tư Đức Quang, kết quả kinh doanh được thể hiện qua:

- + Kết quả hoạt động bán hàng (chủ yếu)
- + Kết quả hoạt động tài chính.
- + Phương pháp xác định kết quả kinh doanh
- + Kế toán hạch toán xác định kết quả kinh doanh trên TK 911, TK 421

- Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính sang bên Nợ TK 911.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421.

Nợ TK 421

Có TK911

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 thì chứng tỏ trong kỳ doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

Xác định thu nhập chịu thuế = Σ SPS Bên Có TK 911 - Σ SPS Bên Nợ TK 911

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

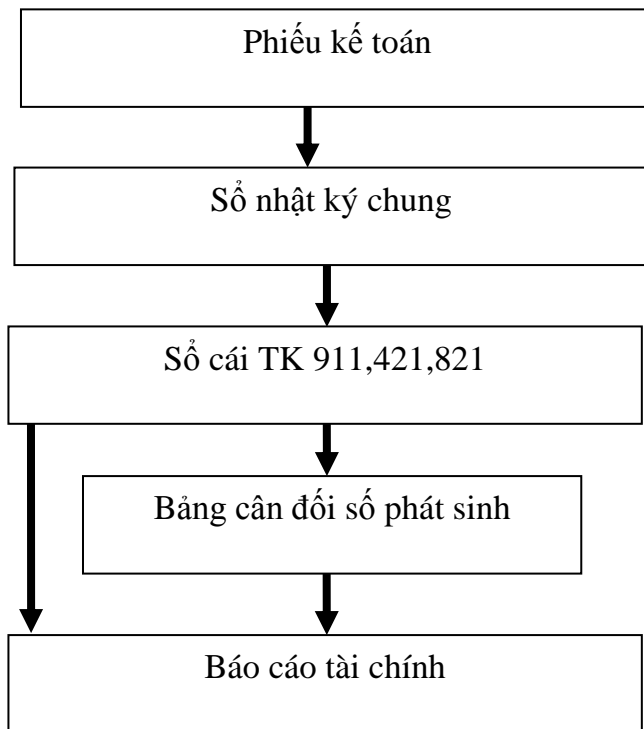
- Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận sau thuế để kết chuyển sang bên có TK 421

Nợ TK 911

Có TK 421

- Cuối kỳ kế toán tổng hợp để lập báo cáo tài chính.
- Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng
- Chứng từ sử dụng
- Phiếu kế toán

- Sổ sách sử dụng
 - Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911, 421.821, Các sổ sách có liên quan khác
- Tài khoản sử dụng
 - TK911-Kết quả kinh doanh
 - TK 421-Lợi nhuận chưa phân phối
 - TK 821-Chi phí thuế TNDN
 - Các TK khác có liên quan
- Quy trình kế toán



Ghi chú

Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ: →

Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý 2/2012 như sau:

Kết chuyển doanh thu thuần:	528.000.000
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	<u>234.831</u>
Tổng	528.234.831
Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 trong quý 2/2012	
Kết chuyển giá vốn hàng bán:	405.450.000
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	62.628.360
Kết chuyển chi phí tài chính	<u>19.831.251</u>
Tổng	487.909.611

Thu nhập chịu thuế: $528.234.831 - 487.909.611 = 40.325.220$

Thuế TNDN phải nộp: $40.325.220 \times 25\% = 10.081.305$

Lợi nhuận sau thuế: $40.325.220 - 10.081.305 = 30.243.915$

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền-HP
PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2012
Số : 50

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển TK 632 sang TK 911	911	632	405.450.000
2	Kết chuyển TK 642 sang TK 911	911	642	62.628.360
3	Kết chuyển TK 635 sang TK 911	911	635	19.831.251
	Cộng tháng quý 2/2012			487.909.611

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền-HP
PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2012
Số : 51

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển TK 511 sang TK 911	511	911	528.000.000
2	Kết chuyển TK 515 sang TK 911	515	911	234.831
	Cộng quý 2/2012			528.234.831

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Số : 52

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	10.081.305
	Cộng quý 2/2012			10.081.305

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Số : 53

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	10.081.305
	Cộng quý 2/2012			10.081.305

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Số : 54

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	30.243.915
	Cộng quý 2/2012			30. 243.915

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số 03a – DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
30/6/2012	PKT 50	30/6/2012	Kết chuyển chi phí			911	487.909.611	
						632		405.450.000
						642		62.628.360
						635		19.831.251
30/6/2012	PKT 51	30/6/2012	Kết chuyển doanh thu			511	528.000.000	
						515	234.831	
						911		528.234.831
30/6/2012	PKT 52	30/6/2012	Xác định thuế TNDN			821	10.081.305	
						3334		10.081.305
30/6/2012	PKT 53	30/6/2012	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911	10.081.305	
						821		10.081.305
30/6/2012	PKT 54	30/6/2012	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			911	30.243.915	
						421		30.243.915
			Cộng số phát sinh quý 2/2012				876.359.413	876.359.413

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang
Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản: 821-chi phí thuế TNDN****Quý 2 năm 2012**

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
PKT 52	30/6/2012	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 2/2012			3334	10.081.305	
PKT 53	30/6/2012	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN			911		10.081.305
		Cộng số phát sinh quý 2/2012				10.081.305	10.081.305

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Tài khoản: 911-Xác định kết quả kinh doanh****Quý 2 năm 2012**

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
PKT 50	30/6/2012	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	405.450.000	
PKT 50	30/6/2012	Kết chuyển chi phí QLKD			642	62.628.360	
PKT 50	30/6/2012	Kết chuyển chi phí tài chính			635	19.831.251	
PKT 51	30/6/2012	Kết chuyển DTBN và CCDV			511		528.000.000
PKT 51	30/6/2012	Kết chuyển DT tài chính			515		234.831
PKT 53	30/6/2012	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			821	10.081.305	
PKT 54	30/6/2012	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			421		30.243.915
		Cộng số phát sinh quý 2/2012				497.990.916	497.990.916

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III:

BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH vật tư Đức Quang, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1. Ưu điểm

- Về bộ máy kế toán
 - Mỗi người trong phòng kế toán đều có chức năng, nhiệm vụ riêng. Do đó, công việc tổ chức kế toán nói chung và tổ chức doanh thu nói riêng sẽ diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu kế toán cũng sẽ đảm bảo chính xác hơn. Sau khi đã có những số liệu tổng hợp do những nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tập hợp, tính toán kết quả cuối cùng giúp đảm bảo tính khoa học trong công việc.
 - Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được thành lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lý của công ty.
- Về việc vận dụng hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán
 - Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14-9-2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - Hình thức sổ sử dụng hiện nay ở công ty là hình thức Nhật ký chung-Đây là hình thức ghi chép đơn giản, thuận tiện và được sử dụng phổ biến tại các doanh nghiệp hiện nay
 - Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ tài chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của công ty. Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh, thông tin ghi chép

đầy đủ, chính xác. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán

- Sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý vì nó vừa đảm bảo tính chính xác, khoa học đồng thời nó đảm bảo tính đơn giản dễ dàng cho việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu khi cần.

➤ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Cụ thể:

- Về kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó, công ty theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.

- Về kế toán chi phí: các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

➤ Về việc luân chuyển chứng từ

- Mọi chứng từ đều luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

➤ Về việc sử dụng phần mềm kế toán

- Công ty đã sử dụng tin học trong việc hạch toán kế toán bằng những công cụ hỗ trợ như word, excel. Nhưng với việc phát triển nền kinh tế trong thời đại tiên tiến như bây giờ, việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ có rất nhiều thuận lợi, nhưng hiện tại doanh nghiệp vẫn chưa áp dụng.

➤ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Việc thanh toán của khách hàng với công ty đôi khi còn chậm, công ty gặp khó khăn trong thu hồi các khoản nợ của khách hàng. Thậm chí, có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại chưa lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

➤ Về chế độ hậu mãi đối với khách hàng

- Chế độ hậu mãi đối với khách hàng chưa được tốt, người mua hàng vẫn chưa thực sự được chăm sóc đặc biệt sau khi mua hàng, khâu marketing của bộ phận kinh doanh còn chưa phát huy hết năng lực dẫn đến hiệu quả chưa cao.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hết sức quan trọng trong mỗi doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp, các công ty tư nhân cạnh tranh gay gắt, do vậy mỗi doanh nghiệp cần nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty một cách chính xác và kịp thời từ đó đề ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mình. Đồng thời, những đối tác làm ăn, những nhà đầu tư cũng cần biết rõ những số liệu chính xác doanh nghiệp để có những quyết định đúng đắn.

- Tình hình hoạt động của doanh nghiệp có thể được đánh giá thông qua nhiều mặt, từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Tuy nhiên, thông qua mà phòng kế toán là hết sức quan trọng, không thể bỏ qua, là một trong những yếu tố để đưa ra những quyết định của nhà đầu tư, cũng như đối tác làm ăn.

- Trên thực tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chỉ dừng ở mức độ ghi chép, phản ánh thông tin kế toán mà chưa có những tác động tích cực, những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để giúp cho chủ doanh nghiệp có những biện pháp làm tăng doanh thu, làm giảm chi phí và thu lợi nhuận cao trong doanh nghiệp. Đồng thời, đề ra những mục tiêu chiến lược phương hướng hoạt động của công ty

trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng và cấp thiết tại mỗi doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Vật tư Đức Quang nói riêng để phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang.

- Nguyên tắc thống nhất
 - + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.
 - + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp kế toán.
 - + Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp .
 - + Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp.
 - + Hoàn thiện dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, và các chuẩn mực kế toán của nhà nước, nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt.
 - + Hoàn thiện phải phù hợp đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp , nhằm tạo hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Trước những nhu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty còn có những hạn chế. Sau đây, em xin trình bày một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý doanh thu tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang như sau:

Biện pháp 1: về việc luân chuyển chứng từ

- Việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ chưa có khoa học dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ luân chuyển

giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ.

- Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời, nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày ... đến ngày....

Tên chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký nhận

Biện pháp 2: về việc sử dụng phần mềm kế toán

- Trên thực tế đã có rất nhiều doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán để đưa vào công tác hạch toán kế toán. Với cách ứng dụng khoa học công nghệ này sẽ giảm bớt công việc của kế toán có thể đưa ra báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho đối tượng.

- Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán của các nhà cung cấp phần mềm chuyên nghiệp và nổi tiếng trên thị trường như:

- + Phần mềm kế toán MISA
- + Phần mềm kế toán FAST
- + Phần mềm kế toán BRAVO
- + Phần mềm kế toán Việt Nam-KTVN....

- Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty và đưa ra các kế toán đi vào đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và cách sử dụng phần mềm kế toán. Khi thực hiện biện pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế-tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao. Đồng thời, lưu trữ bảo quản dữ liệu thuận lợi và an toàn.

Biện pháp 3: về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

- Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên Báo cáo tài chính của năm báo cáo.

- Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

- Nợ phải thu đã qua hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

- Phương pháp xác định

+ Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu).

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

- Mức trích lập (theo thông tư 228/2009-BTC ngày 7/12/2009)

- Đối với nợ phải thu quá thanh toán, mức trích lập như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở nên

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến tổn thất không thu hồi để trích lập dự phòng

- Tài khoản sử dụng :TK 1592

- Phương pháp hạch toán

+ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa được sử dụng hết thì

hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 1592

+ Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ vào chi phí

Nợ TK 1592

Có TK 642

+ Xóa nợ

Nợ TK 1592: nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642: nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131

Có TK 138

+ Đồng thời ghi nợ TK 004

+ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được

Nợ TK 111, 112..

Có TK 711

+ Đồng thời ghi có TK 004

Ví dụ: Giả sử ngày 31/12/2012, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên báo cáo tình hình công nợ như sau:

Tổng số tiền cần trích lập dự phòng:

$$15.100.000 + 9.875.000 + 12.700.000 = 37.675.000$$

Số dự phòng phải thu khó đòi

$$(15.100.000 + 9.875.000) \times 30\% + 12.700.000 \times 50\% = 13.642.500$$

Kế toán định khoản :

Nợ TK 642: 13.642.500

Có TK 1592: 13.642.500

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ ĐỨC QUANG
Số 140 Lê Thánh Tông-Máy Chai-Ngô Quyền-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số : 186

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	642	1592	13.642.500
	Cộng quý 2/2012			13.642.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Vật Tư Đức Quang

Mẫu số S02b- DNN

Địa chỉ: số 140 Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG**Năm 2012**

STT	Tên khách hàng	Số nợ phải thu	Thời gian quá hạn thanh toán (tháng)	Khả năng thanh toán	Tỷ lệ trích lập dự phòng	Số trích lập dự phòng
1	Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	15.100.000	6		30%	4.530.000
2	Công ty TNHH Đức Vinh	9.875.000	7		30%	2.962.500
3	công ty TNHH Thương mại Ấn Hiền	12.700.000	13		50%	6.350.000
	Cộng	37.675.000				13.642.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biện pháp 4: về việc quản lý bán hàng

- Quá trình bán hàng của công ty cần phải được tính toán khoa học, cân nhắc căn cứ vào tiềm năng sẵn có như vốn, mạng lưới tiêu thụ, đồng thời làm tốt công tác Marketing trong kinh doanh, giá bán phải linh hoạt trong từng thời điểm, có chính sách khuyến mại, thưởng doanh số hợp lý nhằm kích thích khách hàng tiêu thụ hàng hoá thường xuyên cho công ty, tăng cường khâu kỹ thuật cho khách có như vậy công ty mới có một thị trường tiêu thụ hàng hoá một cách vững bền, lâu dài và sâu rộng. Mục tiêu của việc xác định kế hoạch là mua hàng với số lượng đủ tối thiểu mà vẫn đảm bảo đến các chủng loại hàng, mùa vụ....Trong điều kiện mới điều này cần quan tâm hơn vì nó giúp công ty sử dụng vốn linh hoạt tránh được tồn đọng hàng hoá. Trên cơ sở đó mà cần phải đẩy mạnh phương thức bán hàng chuyển thẳng, giảm được chi phí vận chuyển, kho bãi...

- Áp dụng phương pháp này công ty cần tăng cường công tác thông tin kinh tế, nắm chắc nguồn hàng, chân hàng, bán hàng lâu dài, về thực tại và lâu dài công ty cần nâng cao trình độ cán bộ nhất là cán bộ làm công tác kinh doanh xuất nhập khẩu, tích cực tìm kiếm thị trường trong nước và nước ngoài. Tăng cường quản lý kinh doanh ở các khâu bán hàng khoán thực hiện phương pháp hạch toán hợp lý để đạt được mục tiêu và yêu cầu tối đa. Đẩy mạnh công nghệ thông tin trong bán hàng

- Biện pháp trong thời gian tới Công ty cần đi sâu đánh giá, phân loại các điểm bán hàng có lợi thế để xây dựng định mức khoán cho phù hợp. Việc làm đó phải được dựa trên cơ sở khoa học và thực tế thay đổi không ngừng. Đồng thời Công ty có kế hoạch khai thác giao hàng nội bộ nhằm phát huy mạng lưới bán lẻ của công ty, hạn chế việc khoán trắng như hiện nay. Mà khoán theo thực tế đơn giá hoa hồng được hưởng trên doanh thu (công ty có kế hoạch cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của khách bán lẻ).

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần xác định rõ mục tiêu con đường phát triển của mình. Công ty TNHH Vật tư Đức Quang cũng không nằm ngoài xu thế đó. Thông qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp và các đối tượng tìm hiểu về doanh nghiệp mới biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không. Từ đó, xác định được chiến lược kinh doanh cụ thể để phát triển kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể.

Qua quá trình thực tập, thực tế làm việc và tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang và em xin chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang” cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Trong khóa luận tốt nghiệp, em đã đề cập đến một số vấn đề sau:

Về lý luận: Khóa luận đã nêu một số vấn đề cơ bản về vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Về thực tiễn: khóa luận đã phản ánh một cách khái quát về thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Đồng thời, sử dụng số liệu năm 2012 để chứng minh những lập luận đã nêu.

Về kiến nghị: nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang, từ thực tế nắm bắt được đối chiếu với những lý luận đã học và qua nghiên cứu tài liệu, sách báo, khóa luận khác đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Tuy nhiên, do vấn đề này là vấn đề tổng hợp, phức tạp, khó đánh giá chính xác đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức sâu rộng và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong phân tích. Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế

còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị phòng kế toán tại công ty TNHH Vật tư Đức Quang để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo – Ths Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH Vật tư Đức Quang cùng toàn thể các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thiện bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 23 tháng 04 năm 2014

Sinh viên

Hồng

Trần Thị Ánh Hồng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính - nhà xuất bản thống kê
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài chính.
3. Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”
4. Tài liệu, sổ sách kế toán do công ty TNHH Vật tư Đức Quang cung cấp
5. Một số luận văn các khóa trước.